

**ĐỀ ÁN
SẮP XẾP ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP XÃ
CỦA TỈNH QUẢNG BÌNH NĂM 2025**

Căn cứ Nghị quyết Hội nghị 11 Ban Chấp hành Trung ương, các Kết luận của Bộ Chính trị, Ban Bí thư: Kết luận số 127-KL/TW ngày 28/5/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về triển khai nghiên cứu, đề xuất sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị; Kết luận số 137-KL/TW ngày 29/3/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về Đề án sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp; Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14/4 /2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC năm 2025; Nghị quyết số 74/NQ-CP ngày 07/4/2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình xây dựng Đề án sắp xếp ĐVHC cấp xã năm 2025 như sau:

**Phần I
CĂN CỨ CHÍNH TRỊ, PHÁP LÝ VÀ SỰ CẦN THIẾT
SẮP XẾP ĐVHC CẤP XÃ**

I. CĂN CỨ CHÍNH TRỊ, PHÁP LÝ

1. Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013.
2. Nghị quyết số 60-NQ/TW ngày 12/4/2025 của Hội nghị lần thứ 11 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII.
3. Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.
4. Kết luận số 127-KL/TW ngày 28/5/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về triển khai nghiên cứu, đề xuất sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị; Kết luận số 137-KL/TW ngày 29/3/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về Đề án sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp.
5. Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 65/2025/QH15.

4. Nghị quyết số 60/2025/UBTVQH15 của Hội nghị lần thứ 11 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII;

5. Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH 15 ngày 14 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC năm 2025;

6. Nghị quyết số 74/NQ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện sắp xếp ĐVHC và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp.

7. Kết luận số 127-KL/TW ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về triển khai nghiên cứu, đề xuất tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị.

9. Kết luận số 137-KL/TW ngày 28/3/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về Đề án sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp;

10. Công văn số 03/CV-BCĐ ngày 15 tháng 4 năm 2025 của Ban Chỉ đạo sắp xếp ĐVHC các cấp và xây dựng mô hình tổ chức CQĐP 02 cấp về định hướng một số nhiệm vụ sắp xếp ĐVHC và tổ chức CQĐP 02 cấp, về tổ chức bộ máy, CBCCVC khi thực hiện sắp xếp.

II. SỰ CẦN THIẾT SẮP XẾP ĐVHC CẤP TỈNH

Xây dựng bộ máy chính quyền các cấp tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả là chủ trương nhất quán của Đảng và Nhà nước. Thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về một số vấn đề tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; Kết luận số 127-KL/TW ngày 28/02/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về triển khai nghiên cứu, đề xuất tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị đã đặt ra mục tiêu cụ thể: *“Nghiên cứu định hướng sắp xếp một số đơn vị cấp tỉnh, không tổ chức cấp huyện, sắp xếp một số đơn vị cấp xã; thực hiện mô hình địa phương 2 cấp (tổ chức đảng, chính quyền, đoàn thể) bảo đảm tinh gọn, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả”*; Kết luận số 137-KL/TW ngày 29/3/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về Đề án sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp; Nghị quyết số 60/2025/UBTVQH15 của Hội nghị lần thứ 11 Ban Chấp

4. Trường hợp sắp xếp từ 03 đơn vị hành chính cấp xã trở lên thành 01 xã, phường mới thì không phải xem xét định hướng về tiêu chuẩn.

Tỉnh Quảng Bình nằm ở khu vực Bắc Trung Bộ, Phía Bắc giáp tỉnh Hà Tĩnh, phía Nam giáp tỉnh Quảng Trị, phía Tây giáp nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào. Tỉnh có chung biên giới với Lào¹ ở phía Tây, phía Đông giáp biển Đông. Tỉnh lỵ của Quảng Bình là thành phố Đồng Hới, cách thủ đô Hà Nội 500 km về phía Bắc và cách Thành phố Hồ Chí Minh 1.220 km về phía Nam theo Quốc lộ 1A.

Tổng diện tích đất tự nhiên của tỉnh là 7.998,76 km², quy mô dân số đến 31/12/2024 là 1.063.487 người; dân số thành thị chiếm 22,46%; dân số nông thôn chiếm 77,54%². Toàn tỉnh có 24 dân tộc, chủ yếu là dân tộc Kinh chiếm khoảng 97%, dân tộc ít người thuộc hai nhóm chính là Bru-Vân Kiều và Chứt³.

Tỉnh có 08 đơn vị hành chính cấp huyện⁴, 145 đơn vị hành chính cấp xã⁵, 1.123 thôn, bản, tổ dân phố, trong đó có 102 thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025⁶.

Kết quả rà soát và đối chiếu với tiêu chuẩn đơn vị hành chính theo Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của ĐVHC và phân loại ĐVHC đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 và Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14/4/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp ĐVHC năm 2025, tỉnh Quảng Bình có 144 ĐVHC thuộc diện sắp xếp năm 2025.

Thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; Kết luận số 127-KL/TW ngày 28/5/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về triển khai nghiên cứu, đề xuất sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị; Kết luận số 137-KL/TW ngày 29/3/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về Đề án sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền

¹ 222,118km - Theo Nghị định thư về đường biên giới và mốc quốc giới giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào, ký tại Hà Nội, ngày 16/3/2016, có hiệu lực kể từ ngày 05/9/2017.

² Số liệu Công an tỉnh cung cấp tính đến ngày 31/12/2024.

³ Dân tộc Bru-Vân Kiều có 4.846 hộ, 20.376 khẩu; Chứt có 1.862 hộ, 7.806 khẩu.

⁴ Gồm 06 huyện ((Minh Hóa, Tuyên Hóa, Quảng Trạch, Bố Trạch, Quảng Ninh, Lệ Thủy), 01 thị xã (Ba Đồn), 01 thành phố trực thuộc tỉnh (Đồng Hới); 03 ĐVHC loại I, 05 ĐVHC loại II).

⁵ Gồm: 122 xã, 15 phường, 08 thị trấn

⁶ Theo Quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 16/9/2021 của Ủy ban Dân tộc phê duyệt danh sách các thôn ĐBKK vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021- 2025.

địa phương 02 cấp và Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14/4/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC năm 2025. Trên cơ sở đánh giá thực trạng các ĐVHC cấp xã và thực hiện mô hình địa phương hai cấp bảo đảm tinh gọn, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình xây dựng “**Đề án sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Quảng Bình năm 2025**” là hết sức cần thiết.

Phần II

HIỆN TRẠNG ĐVHC CỦA TỈNH QUẢNG BÌNH

I. HIỆN TRẠNG ĐVHC CÁC CẤP CỦA TỈNH QUẢNG BÌNH

1. Tỉnh Quảng Bình:

1.1. Diện tích tự nhiên: 7.998,76 (km²)

1.2. Quy mô dân số: Dân số thường trú 1.063.487 (người); dân số tạm trú: 15.632 người.

1.3. Số lượng đơn vị hành chính cấp huyện: Số lượng ĐVHC cấp huyện **08** (chia ra: 06 huyện, 01 thị xã, 01 thành phố).

1.4. Số lượng ĐVHC cấp xã **145** (chia ra: 122 xã, 15 phường, 08 thị trấn)
(*Có Phụ lục số 2.1 đính kèm Đề án*)

2. Số lượng ĐVHC cấp xã thực hiện sắp xếp: **144** xã, phường, thị trấn.

3. Số lượng ĐVHC cấp xã không thực hiện sắp xếp: **01** xã (xã Tân Thành).
(*Có Phụ lục 2.2 đính kèm Đề án*)

Có 01 xã (xã Tân Thành) là đơn vị có yếu tố đặc thù không sắp xếp: Đây là xã miền núi, có vị trí biệt lập với các xã xung quanh, có đông đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống (1.144 người dân tộc thiểu số); đã được sắp xếp trên cơ sở sáp nhập, hợp nhất 03 xã: Hóa Phúc, Hóa Thanh, Hóa Tiến giai đoạn 2023-2025. Xã Tân Thành có diện tích tự nhiên là 89,77 km² (đạt tỷ lệ 89,77%); quy mô dân số là 5.513 người (đạt tỷ lệ 110,26%).

PHẦN III

PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP ĐVHC CẤP XÃ CỦA TỈNH QUẢNG BÌNH

I. PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP ĐVHC CẤP XÃ

1. Thành lập phường Đồng Hới trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Bảo Ninh (có diện tích tự nhiên là 17,67 km²; quy mô dân số là 11.441 người), xã Đức Ninh (có diện tích tự nhiên là 5,56 km²; quy mô dân số là 10.669 người), phường Nam Lý (có diện tích tự nhiên là 4,04 km²; quy mô dân số là 21.054 người), phường Đồng Hải (có diện tích tự nhiên là 1,93 km²;

quy mô dân số là 9.170 người), phường Đồng Phú (có diện tích tự nhiên là 3,79 km²; quy mô dân số là 13.113 người), phường Đức Ninh Đông (có diện tích tự nhiên là 2,78 km²; quy mô dân số là 7.301 người), phường Phú Hải (có diện tích tự nhiên là 3,13 km²; quy mô dân số là 4.494 người) và phường Hải Thành (có diện tích tự nhiên là 2,45 km²; quy mô dân số là 6.954 người).

a) Kết quả sau khi sắp xếp:

- Phường Đồng Hới có: Tổng diện tích tự nhiên là 41,35 km² (đạt 751,82% so với tiêu chuẩn); quy mô dân số là: 84.196 người (đạt 400,93% so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Phía Bắc giáp phường Đồng Thuận, phía Nam giáp xã Quảng Ninh và xã Ninh Châu, phía Tây giáp phường Đồng Sơn, phía Đông giáp biển Đông.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC phường Đồng Hới: Đặt tại phường Đức Ninh Đông hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC:

- Phường Đồng Hới được thành lập trên cơ sở sáp nhập các xã, phường có địa giới hành chính liền kề, đảm bảo tương đồng về diện tích, dân số giữa các đơn vị hành chính sau sắp xếp, phù hợp phát triển kinh tế xã hội của địa phương.

- Tên gọi “Phường Đồng Hới” là xuất phát từ vị thế trung tâm của phường trong chuỗi không gian đô thị.

- Trụ sở đặt tại phường Đức Ninh Đông, có vị trí trung tâm, nằm trên trục đường lớn của phường mới; có tọa độ địa lý bao trọn địa bàn nội thị của thành phố Đồng Hới bao gồm vùng đất đồng bằng nằm phía Đông đường sắt Bắc Nam.

2. Thành lập phường Đồng Thuận trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Lộc Ninh (có diện tích tự nhiên là 13,32 km²; quy mô dân số là 11.240 người), xã Quang Phú (có diện tích tự nhiên là 3,22 km²; quy mô dân số là 3.891 người) và phường Bắc Lý (có diện tích tự nhiên là 9,95 km²; quy mô dân số là 23.390 người).

a) Kết quả sau khi sắp xếp:

- Phường Đồng Thuận có: Tổng diện tích tự nhiên là 26,49 km² (đạt 481,66% so với tiêu chuẩn); quy mô dân số là: 38.521 người (đạt 183,43% so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Phía Bắc giáp với xã Nam Trạch, phía Tây giáp với phường Đồng Sơn, phía Nam giáp với phường Đồng Hới, phía Đông giáp với Biển Đông.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC phường Đồng Thuận: Đặt tại phường Bắc Lý hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC:

- Đơn vị hành chính phường Đồng Thuận được thành lập trên cơ sở sáp nhập các xã có địa giới hành chính liền kề, đảm bảo tương đồng về diện tích, dân số giữa các đơn vị hành chính sau sắp xếp, phù hợp phát triển kinh tế xã hội của địa phương.

- Tên gọi phường Đồng Thuận được ghép bởi chữ “Đồng” trong “Đồng Hới” tên của thành phố hiện tại và chữ “Thuận” trong “Thuận Lý” tên gọi của một làng thuộc xã Hưng Ninh. Xã Hưng Ninh sau đó được tách thành 2 xã Lộc Ninh (Lộc Ninh, Quang Phú) và Lý Ninh (Nam Lý, Bắc Lý). Mặt khác “Đồng Thuận” cũng chỉ sự đồng thuận trong việc thực hiện chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và quyết tâm xây dựng, phát triển quê hương giàu đẹp của Đảng bộ và Nhân dân phường sau khi được sáp nhập.

- Trụ sở đặt tại phường Bắc Lý (tại trụ sở của UBND phường Bắc Lý hiện nay) có vị trí địa lý nằm trung tâm; nơi giao thoa của phát triển không gian đô thị; nằm trên trục chính của giao thông; dân cư đông đúc.

3. Thành lập phường Đồng Sơn trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Nghĩa Ninh (có diện tích tự nhiên là 15,7 km²; quy mô dân số là 6.217 người), xã Thuận Đức (có diện tích tự nhiên là 45,29 km²; quy mô dân số là 5.256 người), phường Bắc Nghĩa (có diện tích tự nhiên là 7,49 km²; quy mô dân số là 9.918 người) và phường Đồng Sơn (có diện tích tự nhiên là 19,55 km²; quy mô dân số là 11.005 người).

a) Kết quả sau khi sắp xếp:

- Phường Đồng Sơn có: Tổng diện tích tự nhiên là 88,03 km² (đạt 1.600,55% so với tiêu chuẩn); quy mô dân số là: 32.396 người (đạt 154,27 % so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Phía Bắc giáp với xã Nam Trạch, phía Nam giáp với xã Quảng Ninh, phía Tây giáp với xã Trường Sơn và xã Nam Trạch, phía Đông giáp phường Đồng Hới và phường Đồng Thuận.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC phường Đồng Sơn: Đặt tại phường Đồng Sơn hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC:

- Phường Đồng Sơn được thành lập trên cơ sở sáp nhập các xã, phường có địa giới hành chính liền kề, đảm bảo tương đồng về diện tích, dân số giữa các đơn vị hành chính sau sắp xếp, phù hợp phát triển kinh tế xã hội của địa phương.

- Tên gọi phường Đồng Sơn do trước đây là vùng sơ tán của Nhân dân nội thị Đồng Hới trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ. Sau khi Nhân dân thị xã Đồng Hới định cư ở địa bàn Đồng Sơn thì Đồng Sơn trở thành nơi hội tụ, trung

tâm giao thương, hoạt động kinh tế, văn hóa, xã hội của các địa phương trong vùng phía Tây Đồng Hới. Vì thế, chọn tên “Phường Đồng Sơn” sẽ kế thừa và phát huy truyền thống lịch sử văn hóa của Nhân dân trong địa bàn Đồng Sơn và vùng phụ cận.

- Trụ sở đặt tại phường Đồng Sơn (tại trụ sở của UBND phường Đồng Sơn hiện nay) có vị trí địa lý nằm trung tâm kinh tế, văn hóa, xã hội của phía Tây Nam thành phố. Ngoài ra, Đồng Sơn còn có vị trí kết nối với các xã lân cận.

4. Thành lập phường Ba Đồn trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Quảng Hải (có diện tích tự nhiên là 4,25 km²; quy mô dân số là 3.529 người), phường Quảng Phong (có diện tích tự nhiên là 4,74 km²; quy mô dân số là 6.847 người), phường Quảng Long (có diện tích tự nhiên là 9,64 km²; quy mô dân số là 7.014 người) và phường Ba Đồn (có diện tích tự nhiên là 1,82 km²; quy mô dân số là 11.415 người).

a) Kết quả sau khi sắp xếp:

- Phường Ba Đồn có: Tổng diện tích tự nhiên là 20,45 km² (đạt 371,81 % so với tiêu chuẩn); quy mô dân số là: 28.805 người (đạt 137,17 % so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Phía Bắc giáp xã Tân Gianh, xã Quảng Trạch, phía Nam giáp xã Nam Gianh và phường Bắc Gianh, phía Tây giáp xã Nam Ba Đồn và xã Tân Gianh, phía Đông giáp xã Quảng Trạch và phường Bắc Gianh.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC phường Ba Đồn: Đặt tại phường Ba Đồn hiện nay (trụ sở Thị ủy - UBND thị xã Ba Đồn hiện nay).

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC:

- Phường mới hình thành là trung tâm phát triển về thương mại, dịch vụ; là các phường nằm nằm dọc theo quốc lộ 12A với vị trí trọng yếu về phòng thủ đánh địch từ biển vào và từ tây Quảng Bình xuống khu vực biên giới biển; có nét đặc trưng chung về văn hoá lễ hội Đình làng. Phường Quảng Long và phường Ba Đồn trước đây được hình thành từ 01 xã có nhiều nét văn hoá truyền thống tương đồng, Quảng Hải và Quảng Phong đều có nghề truyền thống nón lá truyền thống. Giao thông nằm trên đường trục đường Quốc lộ 12A thuận tiện giao lưu phát triển kinh tế.

- Tên gọi Ba Đồn trước đây gắn liền với di tích lịch sử thời Hậu Lê đã xây dựng ba đồn đặt ở trung tâm huyện Quảng Trạch cũ nay là thị xã Ba Đồn. Sau này Ba Đồn được lấy để đặt tên cho Chợ trung tâm thị xã. Chợ Ba Đồn hình thành và ngày càng phát triển với các hàng hoá buôn bán sầm uất, và các ngành nghề dịch vụ, thương mại phát triển Ba Đồn trở thành một nơi nổi tiếng được nhiều nơi biết đến và trở thành tên gọi gắn liền với sự phát triển của thị xã vì vậy

thị xã Ba Đồn quyết định giữ nguyên tên Ba Đồn gắn số thứ tự để đặt tên cho phường mới hình thành sau sắp xếp.

- Trụ sở Thị uỷ và UBND thị xã Ba Đồn: Trung tâm ĐVHC phường Ba Đồn mới, thuận lợi đi lại cho người dân và doanh nghiệp.

5. Thành lập phường Bắc Gianh trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của phường Quảng Phúc (có diện tích tự nhiên là 14,18 km²; quy mô dân số là 10.293 người), phường Quảng Thọ (có diện tích tự nhiên là 9,22 km²; quy mô dân số là 14.015 người) và phường Quảng Thuận (có diện tích tự nhiên là 7,74 km²; quy mô dân số là 8.492 người).

a) Kết quả sau khi sắp xếp:

- Phường Bắc Gianh có: Tổng diện tích tự nhiên là 31,14 km² (đạt 566,18 % so với tiêu chuẩn); quy mô dân số là: 32.800 người (đạt 156,19 % so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Phía Bắc giáp xã Quảng Trạch và phường Ba Đồn, phía Nam giáp xã Bắc Trạch, phía Tây giáp xã Nam Gianh và phường Ba Đồn, phía Đông giáp Biển Đông.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC phường Bắc Gianh: Đặt tại phường Quảng Thọ hiện nay .

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC:

- Phường mới được hình thành từ 03 phường nằm trên trục đường Quốc lộ 1A với hệ thống giao thông thuận lợi; có đường bờ biển trải dài, có vị trí sát sông Gianh. Phường sau thành lập có điều kiện phát huy lợi thế địa phương ven biển để phát triển dịch vụ du lịch, các chuỗi sản phẩm từ khai thác thủy hải sản, sản xuất nông nghiệp theo hướng nông nghiệp sạch; Đã có cầu cảng và chợ hải sản ở Quảng Phúc. Đang thực dự án neo đậu tàu thuyền ở biển cửa Gianh. Là 3 đơn vị có vị trí biên giới biển, có vị trí chiến lược về quốc phòng, an ninh. Đây là tuyến phòng thủ chủ yếu ven biển, đánh địch tiến công vào trục đường QL12 và vu hồi dọc sông Gianh. Là nơi có các đơn vị Quân đội đóng quân: Đồn biên phòng của khẩu Cảng Gianh, Hải đội 313 vùng 3 Hải Quân. Có đường quốc phòng và đường ven biển đi qua. Về văn hóa, lịch sử, cả 03 phường đều có đồng bào theo tôn giáo, có văn hóa truyền thống tương đồng và khác biệt với các phường có ĐGHHC liền kề. Lịch sử 03 phường được tách ra và hình thành từ 01 đơn vị hành chính cấp xã trước đây (năm 1945 là Xã An Trạch gồm: Quảng Phúc, Quảng Thuận, Quảng Thọ.).

- Tên gọi là Bắc Gianh: Vì vị trí địa lý ĐVHC mới nằm ở phía Bắc Sông Gianh. Các địa phương này có chung vị trí nằm ven biển tạo nên những nét đặc trưng riêng của Ba Đồn với các ngành nghề nuôi trồng thủy hải sản và các sản vật từ biển tạo ấn tượng tốt đẹp trong lòng du khách.

- Trụ sở phường Quảng Thọ là vì đây là trung tâm ĐVHC mới, thuận lợi đi lại cho người dân và doanh nghiệp.

6. Thành lập xã Nam Gianh trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Quảng Hòa (có diện tích tự nhiên là 5,62 km²; quy mô dân số là 10.893 người), xã Quảng Lộc (có diện tích tự nhiên là 6,07 km²; quy mô dân số là 9.787 người), xã Quảng Văn (có diện tích tự nhiên là 4,55 km²; quy mô dân số là 6.835 người) và xã Quảng Minh (có diện tích tự nhiên là 18,19 km²; quy mô dân số là 9.012 người).

a) Kết quả sau khi sắp xếp:

- Xã Nam Gianh có: Tổng diện tích tự nhiên là 34,43 km² (đạt 114,77 % so với tiêu chuẩn); quy mô dân số là: 36.527 người (đạt 228,29% so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Phía Bắc giáp phường Ba Đồn, phía Nam giáp xã Bắc Trạch, phía Tây giáp xã Nam Ba Đồn, phía Đông giáp xã Bắc Trạch và phường Bắc Gianh.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC xã Nam Gianh: Đặt tại xã Quảng Lộc hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC:

- Xã mới hình thành với nền kinh tế đa ngành nghề như tiểu thủ nông nghiệp: mây xiên, rèn đúc, nón lá; thương mại dịch vụ, đánh bắt thủy, hải sản và chủ yếu là nông nghiệp lúa nước, rau sạch và đang dần phát triển theo hướng hàng hoá từ các sản phẩm sạch nông nghiệp. Khoảng cách giữa các xã liền kề, giao thông đi lại thuận tiện; là các xã nằm ở vùng phía Nam thị xã Ba Đồn được sông Gianh bao bọc với vị trí trọng yếu về phòng thủ; cùng chung văn hoá tín ngưỡng tôn giáo, văn hoá truyền thống đình làng, các nhà thờ họ. Lịch sử 04 xã Quảng Hoà, Quảng Lộc, Quảng Minh, Quảng Văn trước đây là được tách ra từ 01 xã.

- Tên gọi là Nam Gianh: Vì vị trí địa lý của các xã nằm liền kề nhau và sát phía Nam sông Gianh thuận lợi phát huy thế mạnh về thủy sản, nâng cao hiệu quả khai thác, đánh bắt và nuôi trồng thủy, hải sản theo vùng; Hình thành nền kinh tế trải dài phía nam sông Gianh độc đáo gắn liền với lịch sử hình thành và phát triển của các vùng đất ven sông)

- Trụ sở xã Quảng Lộc là vì: Trung tâm ĐVHC mới, thuận lợi đi lại cho người dân và doanh nghiệp.

7. Thành lập xã Nam Ba Đồn trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Quảng Tân (có diện tích tự nhiên là 2,91 km²; quy mô dân số là 4.054 người), xã Quảng Trung (có diện tích tự nhiên là 6,79 km²; quy mô dân số là 6.434 người), xã Quảng Tiên (có diện tích tự nhiên là 10,10 km²; quy

mô dân số là 6.025 người), xã Quảng Sơn (có diện tích tự nhiên là 53,73 km²; quy mô dân số là 8.155 người) và xã Quảng Thủy (có diện tích tự nhiên là 2,77 km²; quy mô dân số là 2.975 người).

a) Kết quả sau khi sắp xếp:

- Xã Nam Ba Đồn có: Tổng diện tích tự nhiên là 76,30 km² (đạt 254,33% so với tiêu chuẩn); quy mô dân số là: 27.643 người (đạt 172,77% so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: Phía Bắc giáp xã Tân Gianh và phường Ba Đồn, phía Nam giáp xã Phong Nha, phía Tây giáp xã Tuyên Hóa, phía Đông giáp xã Nam Gianh.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC Nam Ba Đồn: Đặt tại xã Quảng Trung hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC:

- Với nền kinh tế đa ngành nghề như tiểu thủ nông nghiệp: nón lá...; thương mại dịch vụ, nông nghiệp lúa nước, rau sạch và đang dần phát triển theo hướng hàng hoá từ các sản phẩm sạch, nông nghiệp hữu cơ và vườn đồi. Bên cạnh đó đặc điểm vị trí địa lý các xã đều sát sông Gianh thuận lợi trong phát triển kinh tế ven sông. Khoảng cách giữa các xã liên kề chưa đến 2km; Thương mại dịch vụ với các ngành vận tải và hàng hoá đang dần hình thành và phát triển. Xã mới hình thành là khu vực trong thể trận phòng thủ quan trọng của tỉnh đây được xem là vùng trọng điểm về an ninh quốc phòng. Cùng chung trên trục đường 36m, đường 559B thuận tiện giao thông đi lại tạo động lực phát triển kinh tế; các xã cùng chung văn hoá truyền thống tín ngưỡng đình làng, các nhà thờ họ và tôn giáo.

- Tên gọi là Nam Ba Đồn: Vì vị trí địa lý của các xã nằm liền kề nhau sát bờ Nam của thị xã Ba Đồn; người dân nơi đây được hưởng lợi từ bờ sông phía tây với phù sa đỏ nặng cùng nguồn lợi thủy sản dồi dào; giữa bốn bề sông nước người dân ở vùng cồn bãi là tạo nên vùng kinh tế ven sông đặc trưng và chung văn hoá truyền thống tín ngưỡng.

Trụ sở làm việc của ĐVHC Nam Ba Đồn đặt tại xã Quảng Trung hiện nay là vì trung tâm ĐVHC mới, thuận lợi đi lại cho người dân và doanh nghiệp.

8. Thành lập xã Dân Hóa trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Dân Hóa (có diện tích tự nhiên là 174,52 km²; quy mô dân số là 4.620 người) và xã Trọng Hóa (có diện tích tự nhiên là 190,48 km²; quy mô dân số là 4.912 người).

a) Kết quả sau khi sắp xếp:

- Xã Dân Hóa có: Tổng diện tích tự nhiên là 365,00 km² (đạt 365,00% so với tiêu chuẩn); quy mô dân số là: 8.532 người (đạt 190,64% so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Phía Bắc giáp xã Tuyên Lâm, phía Nam giáp xã Kim Điền và nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào, phía Tây giáp nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào, phía Đông giáp các xã: Tuyên Lâm, Tân Thành, Kim Điền.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC xã Dân Hóa: Đặt tại xã Dân Hóa hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC:

- Có địa giới hành chính liền kề; có đường biên giới trên đất liền với nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào; trọng điểm về quốc phòng; có đông đồng bào dân tộc đang được sự hỗ trợ của nhà nước (8.800 người); trên địa bàn 2 xã hiện nay đồng bào dân tộc thiểu số chiếm tỷ lệ trên 90%, chủ yếu là người Bru-Vân kiều, Chứt, Mày... Đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn cơ bản có phong tục, tập quán, kinh tế, văn hóa, bản sắc tương đồng.

- Tên gọi xã Dân Hóa vì hai xã trước đây là một xã. Xã Trọng Hóa hiện nay được thành lập trên cơ sở chia tách xã Dân Hóa (năm 2003). Xã Dân Hóa được thành lập và đặt tên từ năm 1947 (theo Sắc lệnh 148/SL của Chủ tịch nước). Vì vậy, sau khi sắp xếp ĐVHC mới lấy tên Dân Hóa là phù hợp với truyền thống, lịch sử hình thành và phát triển của vùng đất Dân Hóa.

- Trụ sở đặt tại xã Dân Hóa vì có vị trí địa lý trung tâm, thuận lợi cho người dân đến giao dịch, thực hiện các thủ tục hành chính.

9. Thành lập xã Kim Điền trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Hóa Sơn (có diện tích tự nhiên là 177,58 km²; quy mô dân số là 2.083 người) và xã Hóa Hợp (có diện tích tự nhiên là 51,84 km²; quy mô dân số là 4.082 người).

a) Kết quả sau khi sắp xếp:

- Xã Kim Điền có: Tổng diện tích tự nhiên là 229,42 km² (đạt 229,42% so với tiêu chuẩn); quy mô dân số là: 6.165 người (đạt 123,30% so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Phía Bắc giáp xã Tân Thành và xã Minh Hóa, phía Nam giáp xã Kim Phú và nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào, phía Tây giáp xã Dân Hóa, phía Đông giáp xã Kim Phú và xã Minh Hóa.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC xã Kim Điền: Đặt tại xã Hóa Hợp hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC:

- Có địa giới hành chính liền kề; giao thông đi lại thuận tiện, có đường Hồ Chí Minh chạy qua; có các điều kiện để phát triển du lịch như: Khu du lịch Thác Mơ liền kề giữa xã Tân Thành và Hóa Hợp; khu di tích lịch sử vua Hàm Nghi tiếp giáp giữa Hóa Hợp và Hóa Sơn. Sau sắp xếp sẽ tạo không gian liên kết để phát triển kinh tế - xã hội và du lịch. Là khu vực trọng điểm về quốc phòng - an

ninh biên giới; có đường biên giới trên đất liền với nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào; có đông đồng bào dân tộc chiếm 34,42%; có cùng phong tục, tập quán, kinh tế, bản sắc văn hóa tương đồng.

- Tên gọi xã Kim Điền là vì: Sau Cách mạng Tháng Tám thành công, ngày 22/11/1945, trên địa bàn Minh Hóa ngày nay đã thành lập các xã như: Quy Phúc, Phúc Lộc, Phúc Yên, Tân Minh, Cổ Liêm, Kim Phú, Kim Điền, Yên Phúc, Tân Thành, Tân Việt, Tân Mỹ. Vì vậy, sau sáp nhập ĐVHC mới lấy tên Kim Điền là kế thừa các giá trị lịch sử truyền thống.

- Trụ sở đặt tại xã Hóa Hợp vì có vị trí địa lý thuận lợi cho người dân đến giao dịch, thực hiện các thủ tục hành chính.

10. Thành lập xã Kim Phú trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Thượng Hóa (có diện tích tự nhiên là 354,74 km²; quy mô dân số là 4.025 người), xã Trung Hóa (có diện tích tự nhiên là 92,01 km²; quy mô dân số là 6.714 người), xã Minh Hóa (có diện tích tự nhiên là 33,97 km²; quy mô dân số là 4.732 người) và xã Tân Hóa (có diện tích tự nhiên là 71,85 km²; quy mô dân số là 3.583 người).

a) Kết quả sau khi sắp xếp:

- Xã Kim Phú có: Tổng diện tích tự nhiên là 552,57 km² (đạt 552,57% so với tiêu chuẩn); quy mô dân số là: 19.054 người (đạt 381,08% so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Phía Bắc giáp các xã: Minh Hóa, Đồng Lê, Tuyên Phú, phía Nam giáp xã Thượng Trạch và nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào, phía Tây giáp xã Kim Điền và nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào, phía Đông giáp xã Phong Nha, xã Tuyên Hóa.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC xã Kim Phú: Đặt tại xã Trung Hóa hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC:

- Có địa giới hành chính liền kề, giao thông đi lại tương đối thuận tiện, trên địa bàn 2 xã có đường Hồ Chí Minh chạy qua. Trước đây 2 xã thuộc xã Minh Hóa cũ, có điểm du lịch Rục mòn, Hung trâu, Hồ Yên phú, có di tích lịch sử Ngầm rinh. Đây là vùng có mật độ dân cư đông, chủ yếu là người Nguồn sinh sống, có phong tục, tập quán đặc trưng (ăn tết nguyên đán sớm, tổ chức ăn tết độc lập 2/9); kinh tế, bản sắc văn hóa tương đồng; có giọng nói riêng, đặc trưng. Đây là vùng thường xuyên xảy ra lũ lụt, có di tích lịch sử Đình Kim Bảng, quần thể hang động Tú Làn và làng du lịch Tân Hóa được công nhận là làng du lịch tốt nhất thế giới... tạo điều kiện để phát triển dịch vụ, du lịch. Sau sắp xếp sẽ tạo không gian liên kết để phát triển kinh tế - xã hội và du lịch.

- Tên gọi là xã Kim Phú là vì: Sau Cách mạng Tháng Tám thành công, ngày 22/11/1945, trên địa bàn Minh Hóa ngày nay đã thành lập các xã như: Quy Phúc, Phúc Lộc, Phúc Yên, Tân Minh, Cổ Liêm, Kim Phú, Kim Điền, Yên Phúc, Tân Thành, Tân Việt, Tân Mỹ. Vì vậy, sau sáp nhập ĐVHC mới lấy tên Kim Phú là kế thừa các giá trị lịch sử truyền thống.

- Trụ sở đặt tại xã Trung Hóa vì có vị trí địa lý trung tâm; khoảng cách đến các bản gần bằng nhau; thuận lợi cho người dân đến giao dịch, thực hiện các thủ tục hành chính.

11. Thành lập xã Minh Hóa trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Xuân Hóa (có diện tích tự nhiên là 40,36 km²; quy mô dân số là 3.512 người), xã Yên Hóa (có diện tích tự nhiên là 31,86 km²; quy mô dân số là 5.108 người), xã Hồng Hóa (có diện tích tự nhiên là 69,48 km²; quy mô dân số là 4.207 người) và thị trấn Quy Đạt (có diện tích tự nhiên là 15,27 km²; quy mô dân số là 8.654 người).

a) Kết quả sau khi sắp xếp:

- Xã Minh Hóa có: Tổng diện tích tự nhiên là 156,97 km² (đạt 523,24% so với tiêu chuẩn); quy mô dân số là: 21.481 người (đạt 134,26% so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: Phía Bắc giáp xã Đồng Lê, phía Nam giáp xã Kim Phú, phía Tây giáp xã Kim Điền và xã Tân Thành, phía Đông giáp xã Đồng Lê.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC xã Minh Hóa: Đặt tại thị trấn Quy Đạt hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC:

- Có địa giới hành chính liền kề; giao thông đi lại thuận tiện, có đường 15A và 12 A chạy qua. Hiện nay đang xây dựng tuyến đường từ Hồng Hóa - Yên Hóa - Quy Đạt và nối về Tân Hóa - Minh Hóa, sau khi hoàn thành và lưu thông sẽ kết nối giữa vùng trung tâm Quy Đạt với các vùng phụ cận, tạo điều kiện để phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp kết hợp với dịch vụ. Sau khi sắp xếp ĐVHC mới có lợi thế về dân số, cơ sở hạ tầng vì đây là vùng trung tâm huyện Minh Hóa. Đây là vùng có mật độ dân cư đông, chủ yếu là người Nguồn sinh sống, có phong tục, tập quán, kinh tế, bản sắc văn hóa tương đồng. Có các giá trị văn hóa phi vật thể (Hò Thuốc cá, Hát Sắc bùa, Hát Nhà chòi) tạo điều kiện để phát triển dịch vụ, du lịch...nhằm xây dựng xã Minh Hóa trở thành vùng trung tâm.

- Tên gọi là xã Minh Hóa là vì: Danh xưng huyện Minh Hóa ra đời từ năm 1875 (theo Hội thảo huyện Minh Hóa 150 năm hình thành và phát triển), vì vậy

sau sáp nhập ĐVHC mới lấy tên Minh Hóa là phù hợp nhằm kế thừa các giá trị lịch sử và giá trị văn hóa lễ hội Rằm tháng 3 Minh Hóa truyền thống.

- Trụ sở đặt tại thị trấn Quy Đạt: Vì có vị trí địa lý trung tâm; kế thừa cơ sở hạ tầng của trung tâm huyện lỵ cũ; khoảng cách đến các nơi trong xã mới cơ bản gần bằng nhau; thuận lợi cho người dân đến giao dịch, thực hiện các thủ tục hành chính.

12. Giữ nguyên xã Tân Thành do có vị trí biệt lập, có nhiều người dân tộc thiểu số sinh sống (1.144 người dân tộc thiểu số, chiếm 20,75%); đã sáp nhập giai đoạn 2023-2025 trên cơ sở toàn bộ diện tích tự nhiên và dân số của 03 xã: Hóa Phúc, Hóa Thanh, Hóa Tiến.

- Xã Tân Thành có: Tổng diện tích tự nhiên là 89,77 km² (đạt 89,77 % so với tiêu chuẩn); quy mô dân số là: 5.513 người (đạt 110,26 % so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Phía Bắc giáp các xã: Tuyên Lâm, Tuyên Sơn, Đồng Lê, phía Nam giáp xã Dân Hóa và xã Kim Điền, phía Tây giáp xã Dân Hóa và xã Tuyên Lâm, phía Đông giáp xã Minh Hóa và xã Kim Điền.

13. Thành lập xã Tuyên Lâm trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Lâm Hóa (có diện tích tự nhiên là 100,61 km²; quy mô dân số là 1.357 người và xã Thanh Hóa (có diện tích tự nhiên là 134,59 km²; quy mô dân số là 7.044 người).

a) Kết quả sau khi sắp xếp:

- Xã Tuyên Lâm có: Tổng diện tích tự nhiên là 235,20 km² (đạt 235,20% so với tiêu chuẩn); quy mô dân số là: 8.401 người (đạt 168,02% so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Phía Bắc giáp các xã thuộc tỉnh Hà Tĩnh, phía Nam giáp xã Dân Hóa, xã Tân Thành, phía Tây giáp xã Dân Hóa và nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào, phía Đông giáp xã Tuyên Sơn và xã Tân Thành.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC xã Tuyên Lâm: Đặt tại xã Thanh Hóa hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC:

- Đơn vị hành chính xã Tuyên Lâm được thành lập trên cơ sở sáp nhập 02 xã có địa giới hành chính liền kề, giao thông đi lại giữa 02 xã thuận lợi thông qua trục đường chính đường mòn Hồ Chí Minh, thuận lợi trong phát triển kinh tế xã hội của xã. Cũng là địa bàn có diện tích rừng tự nhiên lớn cần được bảo vệ nghiêm ngặt. Là xã có các yếu tố đặc thù như dân tộc thiểu số, tôn giáo, đường biên giới giáp nước bạn Lào, xã trọng điểm về QPAN.

- Lý do dự kiến chọn tên xã Tuyên Lâm: Tuyên là giữ lại chữ đầu của huyện Tuyên Hóa, Lâm là xã Lâm Hóa (vùng đồng bào dân tộc tại huyện Tuyên

Hóa). Tại địa bàn Tuyên Lâm có 03 di tích lịch sử, đó là Hang Lèn Hà (cấp quốc gia) và Trận địa pháo Bắc Ka Tang, Cầu Ka Tang (cấp tỉnh). Tuyên Lâm cũng là xã có diện tích rừng tự nhiên rất lớn.

- Trụ sở đặt tại xã Thanh Hóa vì xã Thanh Hóa có diện tích lớn, đặc biệt dân số lớn hơn nhiều so với xã Lâm Hóa, dân cư sống tập trung xung quanh trụ sở xã Thanh Hóa, cũng là vị trí trung tâm của xã mới nên thuận tiện trong giao dịch, đi lại của người dân. Là trung tâm của Di tích lịch sử quốc gia Lèn Hà.

14. Thành lập xã Tuyên Sơn trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Thanh Thạch (có diện tích tự nhiên là 29,26 km²; quy mô dân số là 2.815 người) và xã Hương Hóa (có diện tích tự nhiên là 102,88 km²; quy mô dân số là 3.923 người).

a) Kết quả sau khi sắp xếp:

- Xã Tuyên Sơn có: Tổng diện tích tự nhiên là 132,14 km² (đạt 220,23% so với tiêu chuẩn); quy mô dân số là: 6.738 người (đạt 42,11% so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Phía Bắc giáp các xã thuộc tỉnh Hà Tĩnh, phía Nam giáp xã Tân Thành, phía Tây giáp xã Tuyên Lâm, phía Đông giáp xã Đồng Lê.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC xã Tuyên Sơn: Đặt tại xã Hương Hóa hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC:

- Đơn vị hành chính xã Tuyên Sơn được thành lập trên cơ sở sáp nhập 02 xã có địa giới hành chính liền kề, giao thông đi lại giữa 02 xã thuận lợi thông qua trục đường chính đường mòn Hồ Chí Minh, phù hợp phát triển kinh tế xã hội của địa phương. Là xã có vị trí biệt lập, tách biệt với các xã còn lại vùng dưới ngăn cách bởi đèo Khe Nét. Là xã tiếp giáp tỉnh Hà Tĩnh, có các yếu tố đặc thù như tôn giáo, xã trọng điểm về QPAN.

- Lý do dự kiến chọn tên xã Tuyên Sơn: Tuyên là giữ lại chữ đầu của huyện Tuyên Hóa, Sơn là vì 02 xã này là xã thuộc vùng trên của huyện, có nhiều đồi núi, cây cối mang tính chất đặc trưng của núi rừng (son).

- Trụ sở đặt tại xã Hương Hóa là vì Hương Hóa là xã có diện tích lớn, đặc biệt dân số lớn hơn so với xã Thanh Thạch, dân cư sống tập trung xung quanh trụ sở xã Hương Hóa, cũng là vị trí trung tâm của xã mới nên thuận tiện trong giao dịch, đi lại của người dân.

15. Thành lập xã Đồng Lê trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Kim Hóa (có diện tích tự nhiên là 182,72 km²; quy mô dân số là 6.413 người), xã Lê Hóa (có diện tích tự nhiên là 22,80 km²; quy mô dân số là 3.175 người), xã Thuận Hóa (có diện tích tự nhiên là 44,91 km²; quy mô dân số

là 2.738 người), xã Sơn Hóa (có diện tích tự nhiên là 31,28 km²; quy mô dân số là 4.511 người) và thị trấn Đồng Lê (có diện tích tự nhiên là 10,22 km²; quy mô dân số là 7.696 người).

a) Kết quả sau khi sắp xếp:

- Xã Đồng Lê có: Tổng diện tích tự nhiên là 291,93 km² (đạt 973,11% so với tiêu chuẩn); quy mô dân số là: 24.533 người (đạt 153,33% so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Phía Bắc giáp xã Tuyên Sơn và các xã thuộc tỉnh Hà Tĩnh, phía Nam giáp xã Minh Hóa và Kim Phú, phía Tây giáp các xã: Minh Hóa, Tân Thành, Tuyên Sơn, phía Đông giáp xã Tuyên Phú và các xã thuộc tỉnh Hà Tĩnh.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC xã Đồng Lê: Đặt tại thị trấn Đồng Lê hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC:

- Đơn vị hành chính xã Đồng Lê được thành lập trên cơ sở sáp nhập 04 xã, thị trấn có địa giới hành chính liền kề, giao thông đi lại thuận lợi thông qua trục đường QL12A, đảm bảo tương đồng về diện tích, dân số giữa các đơn vị hành chính sau sắp xếp, phù hợp phát triển kinh tế xã hội của địa phương. Là xã có các yếu tố đặc thù như tôn giáo, xã trọng điểm về QPAN.

- Lý do dự kiến chọn tên xã Đồng Lê: Đồng Lê là thị trấn duy nhất của huyện Tuyên Hóa. Đồng Lê gắn liền với bà hát nổi tiếng “Đường về Đồng Lê”. Của nhạc sĩ Trần Hoàn. Đặt tên Đồng Lê để giữ lại tên gọi của một thị trấn có dân cư sống đông đúc, giao thương, buôn bán nhộn nhịp, phát triển nhất huyện Tuyên Hóa.

- Trụ sở đặt tại thị trấn Đồng Lê là vì Đồng Lê là thị trấn có dân số lớn hơn so với các xã còn lại, có ga tàu hỏa, đường Xuyên Á đi qua. Cũng là vị trí trung tâm của 04 xã còn lại nên thuận tiện trong giao dịch, đi lại của người dân. Nơi đây là trung tâm huyện nên có thể thừa hưởng nhiều cơ sở vật chất sau khi xáo cấp huyện.

16. Thành lập xã Tuyên Phú trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Đồng Hóa (có diện tích tự nhiên là 43,30 km²; quy mô dân số là 4.213 người), xã Thạch Hóa (có diện tích tự nhiên là 74,68 km²; quy mô dân số là 8.550 người) và xã Đức Hóa (có diện tích tự nhiên là 37,40 km²; quy mô dân số là 6.037 người).

a) Kết quả sau khi sắp xếp:

- Xã Tuyên Phú có: Tổng diện tích tự nhiên là 155,38 km² (đạt 517,93% so với tiêu chuẩn); quy mô dân số là: 18.800 người (đạt 117,50% so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Phía Bắc giáp các xã thuộc tỉnh Hà Tĩnh, phía Nam giáp xã Kim Phú và xã Tuyên Hóa, phía Tây giáp xã Đồng Lê, phía Đông giáp xã Tuyên Bình.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC xã Tuyên Phú: Đặt tại xã Thạch Hóa hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC:

- Đơn vị hành chính xã Tuyên Phú được thành lập trên cơ sở sáp nhập 03 xã có địa giới hành chính liền kề, giao thông đi lại thuận lợi thông qua trục đường QL12A và dọc tuyến đường thủy sông Gianh, đảm bảo tương đồng về diện tích, dân số giữa các đơn vị hành chính sau sắp xếp, phù hợp phát triển kinh tế xã hội của địa phương. Là xã có yếu tố đặc thù về tôn giáo.

- Lý do dự kiến chọn tên xã Tuyên Phú: Tuyên là giữ lại chữ đầu của huyện Tuyên Hóa, Phú là vì nơi đây có thôn Đồng Phú, nơi mà người dân trước đây di cư đến làm ăn phát đạt, khá giả, Tuyên Phú cũng là cái tên mong muốn xã mới sau sáp nhập không ngừng đổi mới, phát triển.

- Trụ sở đặt tại xã Thạch Hóa là vì Thạch Hóa là xã có diện tích lớn, đặc biệt dân số lớn hơn và là trung tâm hơn 02 xã còn lại nên thuận tiện trong giao dịch, đi lại của người dân.

17. Thành lập xã Tuyên Bình trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Phong Hóa (có diện tích tự nhiên là 27,50 km²; quy mô dân số là 6.201 người), xã Ngư Hóa (có diện tích tự nhiên là 60,48 km²; quy mô dân số là 565 người) và xã Mai Hóa (có diện tích tự nhiên là 31,21 km²; quy mô dân số là 8.853 người).

a) Kết quả sau khi sắp xếp:

- Xã Tuyên Bình có: Tổng diện tích tự nhiên là 119,19 km² (đạt 397,30% so với tiêu chuẩn); quy mô dân số là: 15.619 người (đạt 97,62% so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Phía Bắc giáp các xã thuộc tỉnh Hà Tĩnh, phía Nam giáp xã Tuyên Hóa, phía Tây giáp xã Tuyên Phú, phía Đông giáp các xã: Tuyên Hóa, Trung Thuần, Phú Trạch.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC xã Tuyên Bình: Đặt tại xã Phong Hóa hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC:

- Đơn vị hành chính xã Tuyên Bình được thành lập trên cơ sở sáp nhập 03 xã có địa giới hành chính liền kề, giao thông đi lại thuận lợi thông qua trục đường QL12A và dọc tuyến đường thủy sông Gianh, đảm bảo tương đồng về diện tích, dân số giữa các đơn vị hành chính sau sắp xếp, phù hợp phát triển kinh tế xã hội của địa phương. Là xã có yếu tố đặc thù về tôn giáo.

- Lý do dự kiến chọn tên xã Tuyên Bình: Tuyên là giữ lại chữ đầu của huyện Tuyên Hóa, Bình là so với các xã khác thì địa bàn nơi đây có diện tích bằng phẳng nhiều hơn (bình địa). Cũng là cái tên mang lại yếu tố hài hòa cho xã sau sáp nhập.

- Trụ sở đặt tại xã Phong Hóa là vì Phong Hóa nằm ở vị trí trung tâm của 02 xã còn lại, nằm trên trục đường QL12A nên thuận tiện trong giao dịch, đi lại của người dân.

18. Thành lập xã Tuyên Hóa trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Tiến Hóa (có diện tích tự nhiên là 37,81 km²; quy mô dân số là 8.648 người), xã Châu Hóa (có diện tích tự nhiên là 17,66 km²; quy mô dân số là 5.663 người), xã Cao Quảng (có diện tích tự nhiên là 114,41 km²; quy mô dân số là 3.524 người) và xã Văn Hóa (có diện tích tự nhiên là 25,04 km²; quy mô dân số là 3.617 người).

a) Kết quả sau khi sắp xếp:

- Xã Tuyên Hóa có: Tổng diện tích tự nhiên là 194,92 km² (đạt 649,70% so với tiêu chuẩn); quy mô dân số là: 21.452 người (đạt 134,08% so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Phía Bắc giáp xã Tuyên Phú và xã Tuyên Bình, phía Nam giáp xã Phong Nha và Nam Ba Đồn, phía Tây giáp xã Kim Phú, phía Đông giáp các xã: Nam Ba Đồn, Tân Gianh và Trung Thuần.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC xã Tuyên Hóa: Đặt tại xã Tiến Hóa hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC:

- Đơn vị hành chính xã Tuyên Hóa được thành lập trên cơ sở sáp nhập 04 xã có địa giới hành chính liền kề, giao thông đi lại thuận lợi thông qua trục đường QL12A và dọc tuyến đường thủy sông Gianh, đảm bảo tương đồng về diện tích, dân số giữa các đơn vị hành chính sau sắp xếp, phù hợp phát triển kinh tế xã hội của địa phương. Là xã có yếu tố đặc thù về tôn giáo, trọng điểm về QPAN.

- Lý do dự kiến chọn tên xã Tuyên Hóa: Tuyên Hóa là muốn giữ lại tên huyện Tuyên Hóa. Cũng là cái tên sống mãi trong lòng người dân huyện Tuyên Hóa anh hùng một thời.

- Trụ sở đặt tại xã Tiến Hóa là vì Tiến Hóa có dân số đông hơn và diện tích bằng phẳng hơn các xã khác, là xã nằm trên trục đường QL12A nên thuận tiện trong giao dịch, đi lại của người dân.

19. Thành lập xã Tân Gianh trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Phù Cảnh (có diện tích tự nhiên là 11,39 km²; quy mô dân số là 9.330 người), xã Liên Trường (có diện tích tự nhiên là 25,85 km²; quy mô

dân số là 8.103 người) và xã Quảng Thanh (có diện tích tự nhiên là 3,81 km²; quy mô dân số là 4.962 người.

a) Kết quả sau khi sắp xếp:

- Xã Tân Gianh có: Tổng diện tích tự nhiên là 41,05 km² (đạt 136,82% so với tiêu chuẩn); quy mô dân số là: 22.395 người (đạt 139,97% so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Phía Bắc giáp xã Trung Thuần; phía Nam giáp phường Ba Đồn và xã Nam Ba Đồn; phía Đông giáp xã Quảng Trạch; phía Tây giáp xã Tuyên Hóa.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC xã Tân Gianh: Đặt tại xã Liên Trường hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC:

Nhập từ 4 xã cũ trước đây (xã Quảng Liên và xã Quảng Trường giai đoạn 2019 - 2021; xã Phù Hoá và xã Cảnh Hoá giai đoạn 2023 - 2025).

- Lý do dự kiến chọn tên xã Tân Gianh: Có ý nghĩa Vùng đất mới bên dòng Sông Gianh (sông Ranh, sông giới tuyến, Linh Giang, Thanh Hà); có chữ Tân trong tên cũ Tân Lang (Tiên Lang/ Tiên Lương). Chỉ vùng đất xưa khởi thủy của các địa danh sau này: Phù Kinh (Kênh - Phù Hoá), Kinh Tân (Kinh Nhuận, Kinh Thân).

- Trụ sở đặt tại xã Liên Trường: Nằm ở vị trí trung tâm, sát quốc lộ 12A, thuận lợi cho bà con nhân dân giao dịch. Là điểm cao, không ngập lụt, vị trí đóng sở chỉ huy trong phòng chống thiên tai của xã Tân Gianh

20. Thành lập xã Trung Thuần trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Quảng Lưu (có diện tích tự nhiên là 39,27 km²; quy mô dân số là 7.467 người), xã Quảng Thạch (có diện tích tự nhiên là 46,34 km²; quy mô dân số là 4.241 người) và xã Quảng Tiến (có diện tích tự nhiên là 13,22 km²; quy mô dân số là 4.623 người).

a) Kết quả sau khi sắp xếp:

- Xã Trung Thuần có: Tổng diện tích tự nhiên là 98,83 km² (đạt 329,43% so với tiêu chuẩn); quy mô dân số là: 16.331 người (đạt 102,07% so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Phía Bắc giáp với xã Hòa Trạch, phía Nam giáp với các xã: Quảng Trạch và Tân Gianh, phía Đông giáp các xã: Quảng Trạch và Hoà Trạch, phía Tây giáp xã Phú Trạch và xã Tân Gianh.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC xã Trung Thuần: Đặt tại xã Quảng Lưu hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC:

- Đơn vị hành chính xã Trung Thuần được thành lập trên cơ sở sáp nhập các xã có địa giới hành chính liền kề, đảm bảo tương đồng về diện tích, dân số

giữa các đơn vị hành chính sau sắp xếp, phù hợp phát triển kinh tế xã hội của địa phương.

- Lý do dự kiến chọn tên xã Trung Thuần: Ba xã nằm trong vùng chiến khu Trung Thuần lịch sử. Chiến khu Trung Thuần nằm ở vùng bán sơn địa thuộc địa phận hai xã Quảng Lưu và Quảng Thạch, huyện Quảng Trạch, cách thị trấn Ba Đồn chừng 5 km về phía Tây. Từng là căn cứ địa cách mạng quan trọng của quân và dân Quảng Trạch trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, chiến khu Trung Thuần đã trở thành chứng tích lịch sử hào hùng, là niềm tự hào của mỗi người dân nơi đây. Chiến khu Trung Thuần là di tích lịch sử được xếp hạng quốc gia năm 1995.

- Trụ sở đặt tại xã Quảng Lưu là vì Quảng Lưu là vị trí trung tâm của 03 xã Quảng Lưu, Quảng Tiến, Quảng Thạch; cũng là vị trí trung tâm của xã mới nên thuận tiện trong giao dịch, đi lại của người dân. Là trung tâm của căn cứ chiến khu Trung Thuần trong lịch sử.

21. Thành lập xã Quảng Trạch trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Quảng Phương (có diện tích tự nhiên là 23,97 km²; quy mô dân số là 9.805 người), xã Quảng Xuân (có diện tích tự nhiên là 11,66 km²; quy mô dân số là 11.898 người) và xã Quảng Hưng (có diện tích tự nhiên là 21,01 km²; quy mô dân số là 9.719 người).

a) Kết quả sau khi sắp xếp:

- Xã Quảng Trạch có: Tổng diện tích tự nhiên là 56,64 km² (đạt 188,8% so với tiêu chuẩn); quy mô dân số là: 31.422 người (đạt 196,39% so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Phía Bắc giáp với xã Trung Thuần và xã Hòa Trạch, phía Nam giáp với các xã, phường: Tân Gianh, Ba Đồn và Bắc Gianh, phía Đông giáp Biển Đông, phía Tây giáp xã Tân Gianh và Trung Thuần.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC xã Quảng Trạch: Đặt tại xã Quảng Phương (trụ sở HU-UBND huyện Quảng Trạch) hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC:

- Trong tiến trình mở mang bờ cõi về phía Nam, vùng đất Quảng Trạch chứng kiến bao thăng trầm của lịch sử, chứng kiến nhiều biến cố của thời cuộc. Là vùng đất đánh dấu sự chia cắt thời Trịnh - Nguyễn phân tranh, cho đến ngày nay, Quảng Trạch là địa phương với nhiều lớp trầm tích văn hóa, cả vật thể và phi vật thể. Trải qua chiều dài lịch sử, cộng đồng dân cư Quảng Trạch đã vun đắp truyền thống văn hóa và tâm linh của mình. Tục thờ cúng tổ tiên, ông bà, thờ Mẫu, thờ thành hoàng, thần tổ, người khai phá đất đai, danh nhân, khoa bảng... Quảng Trạch cũng là vùng đất có bề dày văn hóa truyền thống được tôi luyện trong hoàn cảnh đặc biệt của chiến tranh, lưu giữ và bảo tồn nhiều phong

tục tập quán trong dân gian, đã đặt nền móng cho người dân Quảng Trạch có sắc thái văn hóa riêng, nghị lực tâm hồn riêng. Tương đồng về lịch sử văn hóa, nằm chung khu vực của xã Thuận Trạch trong giai đoạn 1945. Đã được quy hoạch đô thị loại V (Quyết định số 241/QĐ-TTg ngày 24/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt kế hoạch phân loại đô thị toàn quốc giai đoạn 2021-2030).

- Lý do dự kiến chọn tên xã Quảng Trạch: Nhằm lưu giữ lại tên cũ của huyện Quảng Trạch.

- Trụ sở đặt tại xã Quảng Phương là vì: Là trung tâm của huyện Quảng Trạch, sẵn có cơ sở vật chất, trung tâm của các xã hợp thành xã Quảng Trạch mới, có nhiều tuyến đường giao thông đi qua, thuận tiện cho việc phát triển đô thị.

22. Thành lập xã Hòa Trạch trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Quảng Châu (có diện tích tự nhiên là 41,00 km²; quy mô dân số là 11.642 người), xã Quảng Tùng (có diện tích tự nhiên là 10,11 km²; quy mô dân số là 8.420 người) và xã Cảnh Dương (có diện tích tự nhiên là 1,56 km²; quy mô dân số là 9.839 người).

a) Kết quả sau khi sắp xếp:

- Xã Hòa Trạch có: Tổng diện tích tự nhiên là 52,67 km² (đạt 175,57 % so với tiêu chuẩn); quy mô dân số là: 29.901 người (đạt 186,88% so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Phía Bắc giáp với xã Phú Trạch, phía Nam giáp với xã Trung Thuần và xã Quảng Trạch, phía Tây giáp với xã Phú Trạch và Trung Thuần, phía Đông giáp với Biển Đông.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC xã Hòa Trạch: Đặt tại xã Quảng Tùng hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC:

- Cả 03 xã này nằm trong khu vực của xã Hòa Trạch ở giai đoạn 1945. Cảnh Dương, địa thế ví như một con thuyền đang neo trên bến. Cảnh Dương điểm hội tụ của nhiều luồng giao thông, rất tiện đường vào Nam ra Bắc, lên rừng, xuống biển. Cảnh Dương một làng biển sầm uất, thịnh vượng. Cảnh Dương còn nổi tiếng là một làng chiến đấu kiên cường trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ. Cảnh Dương là xã vùng biển sáp nhập với xã Quảng Tùng, Quảng Châu để có rừng, có biển phát triển hài hòa.

- Đặt tên ĐVHC là “Hòa Trạch” để cầu mong mưa thuận, gió hòa để nhân dân lên rừng, xuống biển được an toàn.

- Lý do chọn UBND xã Quảng Tùng làm trụ sở cho xã Hòa Trạch: Là trung tâm của 3 xã hợp thành xã Hòa Trạch mới, có tuyến quốc lộ 1 A, tuyến đường liên xã Tùng - Châu - Hợp, tuyến đường ven biển đi qua, thuận tiện cho

giao dịch, lưu thông kinh tế - xã hội và quốc phòng an ninh.

23. Thành lập xã Phú Trạch trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Quảng Đông (có diện tích tự nhiên là 26,48 km²; quy mô dân số là 7.527 người), xã Quảng Phú (có diện tích tự nhiên là 19,98 km²; quy mô dân số là 11.415 người), xã Quảng Kim (có diện tích tự nhiên là 37,66 km²; quy mô dân số là 4.568 người) và xã Quảng Hợp (có diện tích tự nhiên là 113,29 km²; quy mô dân số là 7.157 người).

a) Kết quả sau khi sắp xếp:

- Xã Phú Trạch có: Tổng diện tích tự nhiên là 197,41 km² (đạt 658,03 % so với tiêu chuẩn); quy mô dân số là: 30.850 người (đạt 192,81 % so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Phía Bắc giáp với các xã của tỉnh Hà Tĩnh, phía Nam giáp với xã Trung Thuần và xã Hòa Trạch, phía Tây giáp với xã Tuyên Bình, phía Đông giáp với Biển Đông.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC xã Phú Trạch: Đặt tại xã Quảng Phú hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC:

- Xã Quảng Đông có Khu Công nghiệp Cảng biển Hòn La, dự án Nhà máy Nhiệt điện Quảng Trạch I (tại thôn Vịnh Sơn, xã Quảng Đông, Quảng Trạch), là dự án trọng điểm quốc gia về lĩnh vực năng lượng và dự án có tính động lực, trọng điểm của tỉnh Quảng Bình. Ngoài dự án nhà máy nhiệt điện còn có Dự án bến cảng tổng hợp Quốc tế Hòn La. (Quyết định số 1619/QĐ-TTg ngày 20/12/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch chung xây Khu kinh tế Hòn La, tỉnh Quảng Bình đến năm 2040). Xã Quảng Kim và xã Quảng Hợp là 02 xã miền núi, có diện tích lớn nhưng mật độ dân cư lại thưa thớt, sáp nhập với 02 xã Quảng Đông và Quảng Phú, có rừng, biển tương trợ lẫn nhau để cùng nhau phát triển kinh tế. Các xã tương đồng về điều kiện tự nhiên, nằm trong quy hoạch đô thị kinh tế, có chung bờ biển, chung quốc lộ 1A đi qua, là cửa ngõ phía Đông - Bắc của tỉnh (nằm trong khu vực xã Phú Trạch cũ).

Đây là vùng đất rộng lớn, có bề dày lịch sử lâu đời mang dấu ấn của cha ông thời đi mở cõi, là cửa ngõ vào đất Quảng Bình từ Bắc xuống Nam. Nằm trong khu vực phát triển Nam Hà Tĩnh - Bắc Quảng Bình, hội đủ các yếu tố để phát triển toàn diện về kinh tế - xã hội trong tương lai, là điểm trọng yếu về quốc phòng (Phòng thủ Hải quân ở Quảng Hợp, Quảng Đông). Có đền Thánh mẫu Liễu Hạnh - tín ngưỡng dân gian đặc trưng, khu lăng mộ Đại tướng Võ Nguyên Giáp - người con ưu tú của quê hương Quảng Bình an nghỉ. Có thác Tam Cấp, có Khu công nghiệp Hòn La. Như một Quảng Bình thu nhỏ.

- Lý do chọn UBND xã Quảng Phú làm trụ sở cho xã Phú Trạch: Là do thuận tiện cho giao dịch cho người dân, lưu thông kinh tế - xã hội và quốc phòng an ninh.

24. Thành lập xã Thượng Trạch trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Tân Trạch (có diện tích tự nhiên là 354,26 km²; quy mô dân số là 367 người) và xã Thượng Trạch (có diện tích tự nhiên là 741,52 km²; quy mô dân số là 3.248 người).

a) Kết quả sau khi sắp xếp:

- Xã Thượng Trạch có: Tổng diện tích tự nhiên là 1.095,78 km² (đạt 1.095,78% so với tiêu chuẩn); quy mô dân số là: 3.615 người (đạt 72,3% so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Phía Bắc giáp xã Phong Nha và xã Kim Phú, phía Nam giáp với xã Trường Sơn và nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào, phía Tây giáp với nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào, phía Đông giáp với xã Phong Nha và xã Bồ Trạch.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC xã Thượng Trạch: Đặt tại xã Thượng Trạch hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC:

- Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC: Khu vực biên giới; miền núi; địa hình biệt lập; dân tộc thiểu số đang cần Nhà nước tập trung giúp đỡ, hỗ trợ phát triển; địa bàn xung yếu về quốc phòng, an ninh.

- Tên gọi xã Thượng Trạch gắn với xã Thượng Trạch cũ.

- Lý do chọn nơi đặt trụ sở là xã Thượng Trạch vì xã Thượng Trạch là địa điểm trung tâm của các xã sau khi sắp xếp, diện tích rộng, có trụ sở hiện nay sử dụng tốt.

25. Thành lập xã Phong Nha trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Lâm Trạch (có diện tích tự nhiên là 27,52 km²; quy mô dân số là 4.552 người), xã Xuân Trạch (có diện tích tự nhiên là 172,58 km²; quy mô dân số là 6.745 người), xã Phúc Trạch (có diện tích tự nhiên là 58,52 km²; quy mô dân số là 13.988 người) và thị trấn Phong Nha (có diện tích tự nhiên là 99,48 km²; quy mô dân số là 13.969 người).

a) Kết quả sau khi sắp xếp:

- Xã Phong Nha có: Tổng diện tích tự nhiên là 358,10 km² (đạt 1.193,66% so với tiêu chuẩn); quy mô dân số là: 39.254 người (đạt 245,34 % so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Phía Bắc giáp xã Tuyên Hóa và xã Nam Ba Đồn, phía Nam giáp với xã Thượng Trạch, phía Tây giáp với xã Thượng Trạch và xã Kim Phú, phía Đông giáp với các xã: Nam Gianh, Bắc Trạch, Bồ

Trạch.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC xã Phong Nha: Đặt tại thị trấn Phong Nha hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC:

- Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC: Vùng du lịch trung tâm di sản thiên nhiên thế giới PN-KB; địa giới hành chính liền kề; phát triển kinh tế vùng gò đồi; lịch sử từ năm 1947: Xã Phúc Trạch cũ bao gồm: Xã Phúc Trạch, xã Lâm Trạch, xã Xuân Trạch; Xã Sơn Trạch cũ bao gồm: xã Cự Nẫm, xã Liên Trạch, xã Hưng Trạch, xã Sơn Trạch.

- Tên gọi xã Phong Nha, gắn liền với di sản thiên nhiên thế giới Phong Nha - Kẻ Bàng, góp phần quảng bá du lịch Quảng Bình, du lịch Việt Nam.

- Trụ sở đặt tại thị trấn Phong Nha vì là địa điểm trung tâm của các xã sau khi sắp xếp, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân khi đến xã giao dịch; diện tích rộng, thuận lợi quy hoạch, xây dựng Trụ sở mới.

26. Thành lập xã Bắc Trạch trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Bắc Trạch (có diện tích tự nhiên là 17,82 km²; quy mô dân số là 7.972 người), xã Thanh Trạch (có diện tích tự nhiên là 23,80 km²; quy mô dân số là 15.331 người), xã Hạ Mỹ (có diện tích tự nhiên là 27,68 km²; quy mô dân số là 9.039 người) và xã Liên Trạch (có diện tích tự nhiên là 28,31 km²; quy mô dân số là 4.519 người).

a) Kết quả sau khi sắp xếp:

- Xã Bắc Trạch có: Tổng diện tích tự nhiên là 97,61 km² (đạt 325,35 % so với tiêu chuẩn); quy mô dân số là: 36.861 người (đạt 230,38% so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Phía Bắc giáp xã Nam Gianh và phường Bắc Gianh, phía Nam giáp với xã Bố Trạch và xã Đông Trạch, phía Tây giáp với xã Phong Nha, phía Đông giáp với Biển Đông.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC xã Bắc Trạch: Đặt tại xã Bắc Trạch hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC:

- Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC: Địa giới hành chính liền kề; phát triển kinh tế biển; lịch sử từ năm 1947: Xã Bắc Trạch cũ bao gồm: Xã Bắc Trạch, xã Thanh Trạch, xã Mỹ Trạch, xã Hạ Trạch; xã Liên Trạch giao lưu kinh tế, giao thông thuận lợi với các xã phía Bắc huyện Bố Trạch; xã Hạ Mỹ mới thành lập (01.12.2024) trên cơ sở sáp nhập xã Hạ Trạch và xã Mỹ Trạch.

- Tên gọi xã Bắc Trạch gắn liền với lịch sử chung của các xã, từ năm 1947 đã có tên xã Bắc Trạch bao gồm: Xã Bắc Trạch, xã Thanh Trạch, xã Mỹ Trạch, xã Hạ Trạch.

- Dự kiến nơi đặt trụ sở tại xã Bắc Trạch hiện nay, vì Bắc Trạch vì là địa điểm trung tâm của các xã sau khi sắp xếp, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân khi đến xã giao dịch; diện tích rộng, thuận lợi quy hoạch, xây dựng trụ sở của ĐVHC mới.

27. Thành lập xã Đông Trạch trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Hải Phú (có diện tích tự nhiên là 14,60 km²; quy mô dân số là 15.629 người), xã Sơn Lộc (có diện tích tự nhiên là 12,20 km²; quy mô dân số là 2.835 người), xã Đức Trạch (có diện tích tự nhiên là 2,72 km²; quy mô dân số là 9.103 người) và xã Đồng Trạch (có diện tích tự nhiên là 6,21 km²; quy mô dân số là 6.607 người).

a) Kết quả sau khi sắp xếp:

- Xã Đông Trạch có: Tổng diện tích tự nhiên là 35,73 km² (đạt 119,10% so với tiêu chuẩn); quy mô dân số là: 34.174 người (đạt 213,59 % so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Phía Bắc giáp xã Bắc Trạch, phía Nam giáp với xã Bố Trạch và xã Hoàn Lão, phía Tây giáp với xã Bố Trạch, phía Đông giáp với Biển Đông.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC xã Đông Trạch: Đặt tại xã Đồng Trạch hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC:

- Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC: Địa giới hành chính liền kề; phát triển kinh tế biển, vùng gò đồi; lịch sử từ năm 1947: Xã Hải Trạch cũ bao gồm: Xã Hải Trạch, xã Đức Trạch, xã Đồng Trạch, Phú Trạch; xã Vạn Trạch; xã Sơn Lộc được thành lập ngày 13/6/1986; người dân ở xã Sơn Lộc chủ yếu theo diện di dân đi xây dựng vùng kinh tế mới từ các xã: Thanh Trạch, Hải Trạch, Phú Trạch, Đồng Trạch.

- Tên gọi xã Đông Trạch là để xác định xã Phía Đông của huyện Bố Trạch.

- Dự kiến nơi đặt trụ sở của đơn vị hành chính mới là xã Đồng Trạch hiện nay, vì trụ sở đặt tại xã Đồng Trạch là địa điểm trung tâm của các xã sau khi sắp xếp, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân khi đến xã giao dịch, các trục đường giao thông kết nối giữa các xã đang được đầu tư xây dựng.

28. Thành lập xã Hoàn Lão trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Trung Trạch (có diện tích tự nhiên là 10,65 km²; quy mô dân số là 6.775 người), xã Đại Trạch (có diện tích tự nhiên là 25,03 km²; quy mô dân số là 10.549 người), xã Tây Trạch (có diện tích tự nhiên là 28,17 km²; quy mô dân số là 5.887 người), xã Hòa Trạch (có diện tích tự nhiên là 22,12 km²; quy mô dân số là 5.287 người) và thị trấn Hoàn Lão (có diện tích tự nhiên là 13,06 km²; quy mô dân số là 15.056 người).

a) Kết quả sau khi sắp xếp:

- Xã Hoàn Lão có: Tổng diện tích tự nhiên là 99,03 km² (đạt 330,10% so với tiêu chuẩn); quy mô dân số là: 43.554 người (đạt 272,21% so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Phía Bắc giáp xã Bồ Trạch và xã Đông Trạch, phía Nam giáp với xã Nam Trạch, phía Tây giáp với xã Nam Trạch và xã Bồ Trạch, phía Đông giáp với Biển Đông.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC xã Hoàn Lão: Đặt tại thị trấn Hoàn Lão hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC:

- Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC: Địa giới hành chính liền kề; vùng trung tâm huyện Bồ Trạch, kết hợp phát triển kinh tế biển, vùng gò đồi; xã Trung Trạch cũ bao gồm: xã Trung Trạch, xã Đại Trạch; thị trấn Hoàn Lão thành lập năm 1990 trên cơ sở diện tích và dân số của xã Trung Trạch tách ra; xã Tây Trạch cũ bao gồm: Xã Hòa Trạch, xã Tây Trạch.

- Tên gọi xã Hoàn Lão, gắn với lịch sử của thị trấn Hoàn Lão thành lập năm 1990.

- Dự kiến nơi đặt trụ sở của đơn vị hành chính mới là thị trấn Hoàn Lão, bởi vì: địa điểm trung tâm của các xã sau khi sắp xếp, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân khi đến xã giao dịch.

29. Thành lập xã Bồ Trạch trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Hưng Trạch (có diện tích tự nhiên là 93,01 km²; quy mô dân số là 13.745 người), xã Cự Nẫm (có diện tích tự nhiên là 32,20 km²; quy mô dân số là 8.591 người), xã Vạn Trạch (có diện tích tự nhiên là 27,84 km²; quy mô dân số là 7.700 người) và xã Phú Định (có diện tích tự nhiên là 146,37 km²; quy mô dân số là 3.194 người).

a) Kết quả sau khi sắp xếp:

- Xã Bồ Trạch có: Tổng diện tích tự nhiên là 299,42 km² (đạt 998,07% so với tiêu chuẩn); quy mô dân số là: 33.230 người (đạt 207,69% so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Phía Bắc giáp xã Bắc Trạch, phía Nam giáp với xã Trường Sơn, phía Tây giáp với xã Thượng Trạch và xã Phong Nha, phía Đông giáp với các xã: Đông Trạch, Hoàn Lão, Nam Trạch.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC xã Bồ Trạch: Đặt tại xã Cự Nẫm hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC:

- Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC: Địa giới hành chính liền kề; phát triển kinh tế vùng gò đồi; lịch sử từ năm 1947: Xã Sơn Trạch cũ bao gồm:

xã Cự Nẫm, xã Liên Trạch, xã Hung Trạch, xã Sơn Trạch; xã Vạn Trạch trước đây thuộc xã Hải Trạch cũ; xã Phú Định được thành lập năm 1979. Người dân chủ yếu từ các xã Bắc Trạch, Trung Trạch, Thanh Trạch, Hạ Trạch, Mỹ Trạch, Hung Trạch, Đồng Trạch, Tây Trạch, Vạn Trạch đi kinh tế mới.

- Tên gọi xã Bố Trạch là vì để bảo tồn, lưu giữ truyền thống tên của huyện Bố Trạch. Huyện Bố Trạch một bộ phận đất đai của Tổ quốc Việt Nam. Dưới thời Hùng Vương dựng nước, Bố Trạch là một vùng trong 15 bộ của nước Văn Lang. Qua các thời kỳ lịch sử, đến năm 1831, dưới thời Minh Mạng, chính thức mang tên Bố Trạch.

- Dự kiến nơi đặt trụ sở đơn vị hành chính mới là xã Cự Nẫm, bởi vì đây là địa điểm trung tâm của các xã sau khi sắp xếp, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân khi đến xã giao dịch.

30. Thành lập xã Nam Trạch trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Nhân Trạch (có diện tích tự nhiên là 2,48 km²; quy mô dân số là 11.300 người), xã Lý Nam (có diện tích tự nhiên là 41,48 km²; quy mô dân số là 9.611 người) và thị trấn Nông trường Việt Trung (có diện tích tự nhiên là 85,87 km²; quy mô dân số là 11.683 người).

a) Kết quả sau khi sắp xếp:

- Xã Nam Trạch có: Tổng diện tích tự nhiên là 129,83 km² (đạt 432,77% so với tiêu chuẩn); quy mô dân số là: 32.594 người (đạt 203,71% so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Phía Bắc giáp xã Hoàn Lão, phía Nam giáp với phường Đồng Thuận và phường Đồng Sơn, phía Tây giáp với xã Bố Trạch, phía Đông giáp với Biển Đông.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC xã Nam Trạch: Đặt tại xã Lý Nam hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC:

- Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC: Địa giới hành chính liền kề; kết hợp phát triển kinh tế biển, vùng gò đồi; lịch sử từ năm 1947: Xã Nam Trạch cũ bao gồm: Xã Nhân Trạch, xã Lý Trạch, xã Nam Trạch; thị trấn Nông trường Việt Trung thành lập năm 1961. Dân cư chủ yếu là công nhân của Nông trường cao su Việt Trung.

Tên gọi xã Nam Trạch gắn liền với lịch sử chung của các xã, từ năm 1947: xã Nam Trạch bao gồm các xã: xã Nhân Trạch, xã Lý Trạch, xã Nam Trạch.

- Dự kiến nơi đặt trụ sở của đơn vị hành chính mới là xã Lý Nam, bởi vì đây là địa điểm trung tâm của các xã sau khi sắp xếp, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân khi đến xã giao dịch.

31. Thành lập xã Quảng Ninh trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên,

quy mô dân số của xã Vĩnh Ninh (có diện tích tự nhiên là 49,76 km²; quy mô dân số là 7.818 người), xã Võ Ninh (có diện tích tự nhiên là 21,71 km²; quy mô dân số là 10.487 người), xã Hàm Ninh (có diện tích tự nhiên là 20,11 km²; quy mô dân số là 6.912 người) và thị trấn Quán Hàu (có diện tích tự nhiên là 8,69 km²; quy mô dân số là 10.993 người).

a) Kết quả sau khi sắp xếp:

- Xã Quảng Ninh có: Tổng diện tích tự nhiên là 100,27 km² (đạt 334,22 % so với tiêu chuẩn); quy mô dân số là: 36.210 người (đạt 226,31% so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Phía Bắc giáp với phường Đồng Hới và phường Đồng Sơn, phía Nam giáp xã Trường Ninh và xã Ninh Châu, phía Tây giáp với xã Trường Sơn, phía Đông giáp với phường Đồng Hới và phường Ninh Châu.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC xã Quảng Ninh: Đặt tại thị trấn Quán Hàu hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC:

- Cơ sở, lý luận xây dựng phương án sắp xếp, ĐVHC mới: Đây là các xã, thị trấn liền kề về địa giới hành chính hai bên sông Nhật Lệ và sát dọc bờ biển, quốc lộ 1A. Thuận lợi trong quá trình quản lý địa giới hành chính, có đặc điểm về phong tục, tập quán tương đồng trong cộng đồng dân cư khi sắp xếp ĐVHC. Sau sắp xếp ĐVHC đây là đơn vị phát triển mạnh đô thị, hạ tầng dọc hai bên sông Nhật Lệ nối với TP Đồng Hới tạo cảnh quan xanh, sạch, đẹp. Đây là nơi tập trung phát triển công nghiệp (Khu công nghiệp Tây Bắc, Quán Hàu) và tiếp giáp khu đô thị mới Dinh 10; là nơi thuận lợi để phát triển công nghiệp, dịch vụ và du lịch biển trong tương lai. Xã Quảng Ninh tương lai trở thành một đơn vị thu ngân sách lớn của tỉnh Quảng Bình và là trung tâm động lực phát triển khu vực phía Nam của tỉnh Quảng Bình hiện tại.

- Cơ sở, lý do đặt tên gọi ĐVHC mới: Huyện Quảng Ninh được tái lập vào ngày 1/7/1990 theo Quyết định số 190/QĐ-HĐBT, ngày 1/6/1990 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) sau khi chia tách huyện Lệ Ninh thành hai huyện Quảng Ninh và Lệ Thủy. Là mảnh đất giàu truyền thống cách mạng, Quảng Ninh với nhiều địa danh nổi tiếng nằm trong bát danh hương của tỉnh Quảng Bình "Văn-Võ-Cổ-Kim". Nơi đây có thị trấn Quán Hàu hiện tại là trung tâm hành chính của huyện Quảng Ninh vì vậy đặt tên xã Quảng Ninh để lưu giữ nét truyền thống và văn hóa của vùng đất cách mạng, truyền thống văn hóa riêng nơi đây.

- Lý do chọn UBND xã thị trấn Quán Hàu làm trụ sở cho xã Quảng Ninh: Nơi đặt trụ sở đơn vị hành chính mới xã Quảng Ninh tại Trụ sở Huyện ủy,

UBND huyện hiện tại là phù hợp với nhiều yếu tố thuận lợi. Đây là vị trí trung tâm của 4 xã sau khi sắp xếp, thuận lợi cho người dân đến làm thủ tục khi có nhu cầu. Trụ sở hành chính mới đặt ở đây tiết kiệm việc xây dựng trụ sở mới, sử dụng tốt các cơ sở vật chất của huyện Quảng Ninh hiện tại để lại.

32. Thành lập xã Ninh Châu trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Tân Ninh (có diện tích tự nhiên là 11,46 km²; quy mô dân số là 6.095 người), xã Gia Ninh (có diện tích tự nhiên là 28,52 km²; quy mô dân số là 8.998 người), xã Duy Ninh (có diện tích tự nhiên là 7,79 km²; quy mô dân số là 7.936 người) và xã Hải Ninh (có diện tích tự nhiên là 38,26 km²; quy mô dân số là 7.069 người).

a) Kết quả sau khi sắp xếp:

- Xã Ninh Châu có: Tổng diện tích tự nhiên là 86,03 km² (đạt 286,75% so với tiêu chuẩn); quy mô dân số là: 30.098 người (đạt 188,11% so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: Phía Bắc giáp với xã Quảng Ninh, phía Nam giáp xã Cam Hồng và xã Lệ Ninh, phía Tây giáp với xã Trường Ninh, phía Đông giáp Biển Đông.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC xã Ninh Châu: Đặt tại xã Gia Ninh hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC:

- Cơ sở, lý luận xây dựng phương án sắp xếp ĐVHC mới: Đây là các xã có địa giới hành chính liên kề và điều kiện tự nhiên giống nhau về nhiều mặt; điều kiện kinh tế - xã hội, phong tục, tập quán; hệ thống giao thông kết nối thuận lợi với nhau. Các xã trên là các xã sát biển và đường tránh lũ, tuyến quốc lộ 1A. Vì vậy sắp xếp thành 01 đơn vị hành chính tạo thuận lợi trong việc phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn và thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp giao dịch, công tác. Địa điểm đặt trụ sở của xã hình thành sau sắp xếp ở vị trí trung tâm của 04 xã. Thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp giao dịch.

- Cơ sở, lý do đặt tên gọi ĐVHC mới: Trong hai cuộc kháng chiến trường kỳ của dân tộc với tiếng trống Ninh Châu mở đầu cho phong trào Quảng Bình quật khởi trong kháng chiến chống thực dân Pháp; đến những năm kháng chiến chống Mỹ cứu nước với khẩu hiệu "Xe chưa qua nhà không tiếc, đường chưa thông không tiếc máu xương", nhân dân Quảng Ninh đã đóng góp sức người, sức của cho tiền tuyến cùng với cả nước làm nên đại thắng Mùa Xuân năm 1975, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước. Vì vậy đặt tên xã Ninh Châu thể hiện truyền thống và con người của xã mới hình thành sau sắp xếp (trong ĐVHC mới có xã Duy Ninh địa điểm phong trào, tiếng trống Ninh Châu mở ra phong trào quật khởi). Mỗi vùng đất, tên gọi đơn vị hành chính mới

được người dân trên địa bàn gắn bó lâu dài.

- Cơ sở, lý do đặt trụ sở của đơn vị hành chính mới: Chọn xã Gia Ninh làm trung tâm vì đây là vùng trung tâm của 04 xã sau khi sắp xếp, thuận lợi về hệ thống giao thông để người dân, doanh nghiệp giao dịch. Trong tương lai gần đây là vùng trung tâm khi hệ thống đường cao tốc điểm kết nối tại xã Vạn Ninh cùng với tuyến đường 564B, Quốc lộ 1A đi qua vì vậy trụ sở đặt tại đây thuận lợi quá trình phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn.

33. Thành lập xã Trường Ninh trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Vạn Ninh (có diện tích tự nhiên là 29,06 km²; quy mô dân số là 8.423 người), xã An Ninh (có diện tích tự nhiên là 19,59 km²; quy mô dân số là 10.648 người), xã Xuân Ninh (có diện tích tự nhiên là 8,27 km²; quy mô dân số là 8.256 người) và xã Hiền Ninh (có diện tích tự nhiên là 15,00 km²; quy mô dân số là 8.287 người).

a) Kết quả sau khi sắp xếp:

- Xã Trường Ninh có: Tổng diện tích tự nhiên là 71,92 km² (đạt 239,73% so với tiêu chuẩn); quy mô dân số là: 35.614 người (đạt 222,59% so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Phía Bắc giáp với xã Quảng Ninh, phía Nam giáp xã Lệ Ninh, phía Tây giáp với xã Trường Sơn, phía Đông giáp xã Ninh Châu.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC xã Trường Ninh: Đặt tại xã Xuân Ninh hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC:

- Cơ sở, lý luận xây dựng phương án sắp xếp ĐVHC mới: Đây là các xã phía Nam của huyện Quảng Ninh với diện tích lúa lớn nhất toàn huyện. 04 xã trên có phong tục, tập quán tương đồng về nhiều mặt, có đường địa giới liền kề với nhau. Vì vậy sắp xếp ĐVHC tạo thành một xã vừa thuận lợi trong việc mở rộng và tập trung khu vực sản xuất nông nghiệp lớn, có quy mô đáp ứng nhu cầu thị trường.

- Cơ sở, lý do đặt tên gọi ĐVHC mới: Xã Trường Ninh vốn là tên gọi trước đây của vùng đất của 03 xã: Xuân Ninh, Hiền Ninh và Trường Xuân từ 1945 đến 1956. Đặt tên xã Trường Ninh phù hợp với truyền thống và con người vùng đất này.

- Cơ sở, lý do đặt trụ sở của đơn vị hành chính mới: Tại xã Xuân Ninh là trung tâm nơi giao nhau của tuyến đường giao thông nối các xã trên địa bàn và là trung tâm phát triển kinh tế - xã hội khi sắp xếp ĐVHC mới; địa điểm đặt trụ sở của xã hình thành sau sắp xếp ở vị trí trung tâm của 04 xã, thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp đến giao dịch các giấy tờ liên quan.

34. Thành lập xã Trường Sơn trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Trường Xuân (có diện tích tự nhiên là 156,34 km²; quy mô dân số là 3.081 người) và xã Trường Sơn (có diện tích tự nhiên là 779,62 km²; quy mô dân số là 5.403 người).

a) Kết quả sau khi sắp xếp:

- Xã Trường Sơn có: Tổng diện tích tự nhiên là 935,96 km² (đạt 935,96% so với tiêu chuẩn); quy mô dân số là: 8.484 người (đạt 169,68% so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Phía Bắc giáp với các xã: Thượng Trạch, Bồ Trạch, Nam Trạch, phía Nam giáp xã Kim Ngân, phía Tây giáp với nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào, phía Đông giáp với xã Quảng Ninh, xã Trường Ninh và phường Đồng Sơn.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC xã Trường Sơn: Đặt tại xã Trường Sơn hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC:

- Cơ sở, lý luận xây dựng phương án sắp xếp ĐVHC mới: Xã Trường Sơn là xã biên giới giáp nước CHDCND Lào với diện tích 779,62 km² (trong những xã có diện tích lớn nhất Việt Nam), chủ yếu là rừng, núi nên phức tạp trong quản lý an ninh, trật tự trên địa bàn biên giới và có ý nghĩa quan trọng về quốc phòng, an ninh, bảo vệ chủ quyền Quốc Gia, biệt lập có đường địa giới hành chính liền kề với xã Trường Xuân. Xã Trường Xuân là xã miền núi có đường địa giới hành chính tiếp giáp với xã Trường Sơn và có diện tích tự nhiên 156,34 km². Đặc biệt 02 xã có đồng bào dân tộc Vân Kiều đang sinh sống, tỷ lệ đồng bào dân tộc Vân Kiều trên địa bàn xã Trường Sơn chiếm 50,62 % dân số toàn xã. Sắp xếp ĐVHC hình thành 01 đơn vị hành chính sẽ phù hợp với địa giới hành chính, phong tục, tập quán trên địa bàn và thuận lợi quản lý nhân khẩu, hộ khẩu. Sau khi sắp xếp ĐVHC đây là vùng phát triển kinh tế rừng, du lịch sinh thái tiềm năng của huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình phù hợp về vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên, liên kết tiểu vùng. Quy mô, trình độ phát triển kinh tế tương đồng sau khi sắp xếp, kết hợp các địa điểm du lịch của thành phố Đồng Hới, huyện Bồ Trạch, huyện Lệ Thủy tạo thành tuyến du lịch thu hút khách trong và ngoài nước. Tuyến đường Trường Xuân đi Trường Sơn đang thi công sau khi hoàn thành sẽ thuận lợi cho người dân đi lại và giao thương với các xã.

- Cơ sở, lý do đặt tên gọi đơn vị hành chính mới: Trường Sơn là một xã biên giới nằm ở phía Tây của huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình, có địa hình chủ yếu là đồi núi hiểm trở. Dọc theo đường Hồ Chí Minh quanh co uốn lượn, hai bên đường thấp thoáng là những bản làng với ngôi nhà sàn truyền thống có nét kiến trúc đặc trưng của dân tộc Vân Kiều giữa núi rừng. Vùng đất có bề dày

lịch sử, truyền thống văn hóa vì vậy tên đơn vị hành chính mới có tên gọi Trường Sơn là phù hợp.

- Cơ sở, lý do đặt trụ sở của đơn vị hành chính mới: Đặt trụ sở tại xã Trường Sơn hiện tại để vừa phát triển kinh tế - xã hội vùng biên giới, đảm bảo chủ quyền quốc gia, vùng đồng bào dân tộc Vân Kiều; là trung tâm tạo thuận lợi cho người dân đến giao dịch và phát triển du lịch.

35. Thành lập xã Lệ Thủy trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Liên Thủy (có diện tích tự nhiên là 7,03 km²; quy mô dân số là 9.806 người), xã Xuân Thủy (có diện tích tự nhiên là 6,55 km²; quy mô dân số là 6.576 người), xã An Thủy (có diện tích tự nhiên là 21,35 km²; quy mô dân số là 11.193 người), xã Phong Thủy (có diện tích tự nhiên là 10,00 km²; quy mô dân số là 8.111 người), xã Lộc Thủy (có diện tích tự nhiên là 7,72 km²; quy mô dân số là 5.312 người) và thị trấn Kiến Giang (có diện tích tự nhiên là 3,28 km²; quy mô dân số là 8.462 người).

a) Kết quả sau khi sắp xếp:

- Xã Lệ Thủy có: Tổng diện tích tự nhiên là 55,93 km² (đạt 186,45% so với tiêu chuẩn); quy mô dân số là: 49.460 người (đạt 309,13% so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Phía Bắc giáp với xã Cam Hồng và xã Lệ Ninh, phía Nam giáp xã Trường Phú và xã Tân Mỹ, phía Tây giáp với xã Lệ Ninh và xã Trường Phú, phía Đông giáp với xã Cam Hồng.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC xã Lệ Thủy: Đặt tại thị trấn Kiến Giang hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC:

- Các xã, thị trấn có vị trí địa lý liền kề dọc sông Kiến Giang, giao thông kết nối thuận tiện và có sự tương đồng về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội (vùng trũng thấp, chủ yếu sản xuất nông nghiệp và thương mại dịch vụ), thuộc vùng trung tâm huyện lỵ của huyện Lệ Thủy hiện tại và là địa phương mang đậm dấu ấn các di sản văn hóa phi vật thể quốc gia: Lễ hội bơi đua thuyền truyền thống trên sông Kiến Giang và Hò khoan Lệ Thủy; có làng An Xá thuộc xã Lộc Thủy là quê hương của Đại tướng Võ Nguyên Giáp; định hướng là đơn vị hành chính cấp xã vùng lõi trung tâm của huyện.

- Tên gọi là xã Lệ Thủy vì đây là trung tâm của huyện, mang đậm dấu ấn của các di sản văn hóa của vùng đất Lệ Thủy (lễ hội bơi đua thuyền truyền thống trên sông Kiến Giang; Hò khoan Lệ Thủy) và để gìn giữ địa danh Lệ Thủy - quê hương của Đại tướng Võ Nguyên Giáp.

- Trụ sở đặt tại thị trấn Kiến Giang: đây là trung tâm huyện lỵ của huyện cũng như trung tâm của xã mới, có giao thông kết nối thuận tiện, tạo thuận lợi

cho giao dịch của người dân; đồng thời đây đang là nơi đặt trụ sở của các cơ quan đảng, chính quyền, mặt trận của huyện nên chọn thị trấn Kiến Giang làm trụ sở sẽ kế thừa được tất cả cơ sở vật chất, trụ sở làm việc của các cơ quan của huyện trước đây giúp cho bộ máy của xã mới sau sắp xếp sớm đi vào ổn định.

36. Thành lập xã Cam Hồng trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Cam Thủy (có diện tích tự nhiên là 14,10 km²; quy mô dân số là 4.996 người), xã Thanh Thủy (có diện tích tự nhiên là 14,33 km²; quy mô dân số là 6.761 người), xã Hồng Thủy (có diện tích tự nhiên là 27,15 km²; quy mô dân số là 10.129 người) và xã Ngư Thủy Bắc (có diện tích tự nhiên là 32,31 km²; quy mô dân số là 4.777 người).

a) Kết quả sau khi sắp xếp:

- Xã Cam Hồng có: Tổng diện tích tự nhiên là 87,89 km² (đạt 292,97 % so với tiêu chuẩn); quy mô dân số là: 26.663 người (đạt 166,64 % so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: Phía Bắc giáp với xã Ninh Châu, phía Nam giáp xã Sen Ngư và xã Tân Mỹ, phía Tây giáp với xã Lệ Ninh và xã Lệ Thủy, phía Đông giáp với Biển Đông.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC xã Cam Hồng: Đặt tại xã Ngư Thủy Bắc hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC:

- Các xã có vị trí địa lý liên kề, giao thông kết nối thuận tiện (có 3 tuyến đường quan trọng nằm song song: đường quốc lộ 1, đường tránh lũ BOT, đường ven biển); có sự tương đồng về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội (sản xuất lúa, rau màu, thương mại dịch vụ, kinh tế biển và ven biển); là địa bàn có nhiều dự án quan trọng đang triển khai (khu công nghiệp Cam Liên, dự án điện gió B&T) và tiềm năng để phát triển với khu công nghiệp, khu phức hợp đô thị, quảng trường biển.

- Tên gọi là xã Cam Hồng để đảm bảo yếu tố dễ nhận diện, ngắn gọn, trong đó 2 xã Hồng Thủy (cũ) và Cam Thủy (cũ) nằm ở hai đầu Bắc, Nam của xã mới.

- Trụ sở đặt tại xã Ngư Thủy Bắc vì nằm ở vị trí trung tâm, có nhiều không gian để phát triển mở rộng, là nơi có nhiều tiềm năng, lợi thế để phát triển kinh tế - xã hội, giao thông kết nối thuận tiện, tạo thuận lợi cho giao dịch của người dân. Ngoài ra trụ sở xã Ngư Thủy Bắc hiện tại vừa được đầu tư xây dựng với quy mô khá lớn nên đáp ứng tốt hơn nhu cầu về trụ sở làm việc so với các nơi khác.

37. Thành lập xã Sen Ngư trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Hưng Thủy (có diện tích tự nhiên là 21,43 km²; quy mô dân số

là 7.933 người), xã Sen Thủy (có diện tích tự nhiên là 75,89 km²; quy mô dân số là 6.723 người) và xã Ngư Thủy (có diện tích tự nhiên là 23,52 km²; quy mô dân số là 6.502 người).

a) Kết quả sau khi sắp xếp:

- Xã Sen Ngư có: Tổng diện tích tự nhiên là 120,84 km² (đạt 402,80% so với tiêu chuẩn); quy mô dân số là: 21.158 người (đạt 132,24% so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: Phía Bắc giáp với xã Cam Hồng, phía Nam giáp với các xã thuộc tỉnh Quảng Trị, phía Tây giáp với xã Tân Mỹ, phía Đông giáp với Biển Đông.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC xã Sen Ngư: Đặt tại xã Hưng Thủy hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC:

- Các xã có vị trí địa lý liên kề, giao thông kết nối thuận tiện (trong đó xã Sen Thủy và xã Hưng Thủy nằm dọc đường quốc lộ 1), mở ra không gian để xây dựng xã mới trở thành trung tâm giao thương, kết nối ở khu vực phía nam của huyện.

- Tên gọi là xã Sen Ngư để đảm bảo yếu tố dễ nhận diện, ngắn gọn, trong đó xã Ngư Thủy gắn với tên tuổi của Đại đội nữ pháo binh Ngư Thủy anh hùng, còn Sen Thủy gắn với địa danh Bàu Sen nổi tiếng.

- Trụ sở đặt tại xã Hưng Thủy vì là xã trung tâm, có nhiều không gian để phát triển mở rộng, có giao thông kết nối thuận tiện, hạ tầng giao thông có tính kết nối vùng và là nơi tập trung giao thương, kết nối với các xã lân cận, tạo thuận lợi cho giao dịch của người dân.

38. Thành lập xã Tân Mỹ trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Tân Thủy (có diện tích tự nhiên là 20,49 km²; quy mô dân số là 7.260 người), xã Dương Thủy (có diện tích tự nhiên là 9,61 km²; quy mô dân số là 5.087 người), xã Mỹ Thủy (có diện tích tự nhiên là 13,74 km²; quy mô dân số là 6.471 người) và xã Thái Thủy (có diện tích tự nhiên là 58,73 km²; quy mô dân số là 5.826 người)

a) Kết quả sau khi sắp xếp:

- Xã Tân Mỹ có: Tổng diện tích tự nhiên là 102,57 km² (đạt 341,91% so với tiêu chuẩn); quy mô dân số là: 24.644 người (đạt 154,03% so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liên kề: Phía Bắc giáp với xã Cam Hồng và xã Lệ Thủy, phía Nam giáp với các xã thuộc tỉnh Quảng Trị, phía Tây giáp với xã Trường Phú và xã Kim Ngân, phía Đông giáp với xã Sen Ngư.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC xã Tân Mỹ: Đặt tại xã Dương Thủy hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC:

- Các xã có vị trí địa lý liền kề, giao thông kết nối thuận tiện, có sự tương đồng về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội (phát triển kinh tế rừng, gò đồi, sản xuất nông nghiệp). Có xã Tân Thủy là nơi thành lập chi bộ Mỹ Thổ - Trung Lực (chi bộ Mỹ Trung) - chi bộ Đảng Cộng sản Việt Nam đầu tiên ra đời ở Lệ Thủy và ở vùng Nam Quảng Bình.

- Tên gọi là xã Tân Mỹ để đảm bảo yếu tố dễ nhận diện, ngắn gọn; trong đó xã Tân Thủy là nơi thành lập chi bộ Mỹ Thổ - Trung Lực (chi bộ Mỹ Trung) - chi bộ Đảng Cộng sản Việt Nam đầu tiên ra đời ở Lệ Thủy và ở vùng Nam Quảng Bình còn xã Mỹ Thủy là nơi có di tích lịch sử quốc gia Chùa Hoằng Phúc với lịch sử trên 700 năm.

- Trụ sở đặt tại xã Dương Thủy vì là xã trung tâm của đơn vị hành chính xã mới, có nhiều không gian để phát triển mở rộng, có giao thông kết nối thuận tiện, tạo thuận lợi cho giao dịch của người dân.

39. Thành lập xã Trường Phú trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Trường Thủy (có diện tích tự nhiên là 35,60 km²; quy mô dân số là 5.445 người), xã Mai Thủy (có diện tích tự nhiên là 20,00 km²; quy mô dân số là 7.444 người) và xã Phú Thủy (có diện tích tự nhiên là 41,58 km²; quy mô dân số là 8.317 người)

a) Kết quả sau khi sắp xếp:

- Xã Trường Phú có: Tổng diện tích tự nhiên là 97,18 km² (đạt 323,92% so với tiêu chuẩn); quy mô dân số là: 21.206 người (đạt 132,54% so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Phía Bắc giáp với xã Lệ Ninh và xã Lệ Thủy, phía Nam và phía Tây giáp xã Kim Ngân, phía Đông giáp với xã Tân Mỹ.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC xã Trường Phú: Đặt tại xã Mai Thủy hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC:

- Các xã có vị trí địa lý liền kề, giao thông kết nối thuận tiện (nằm trên tuyến đường Hồ Chí Minh và đường cao tốc Bắc Nam), có sự tương đồng về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội (kinh tế rừng, gò đồi, sản xuất lúa, thương mại dịch vụ).

- Tên gọi là xã Trường Phú để đảm bảo yếu tố dễ nhận diện, ngắn gọn và tượng trưng cho ý nghĩa tốt đẹp.

- Trụ sở đặt tại xã Mai Thủy vì là xã trung tâm của đơn vị hành chính xã mới, có nhiều không gian để phát triển mở rộng, có giao thông kết nối thuận

tiện, tạo thuận lợi cho giao dịch của người dân.

40. Thành lập xã Lệ Ninh trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Sơn Thủy (có diện tích tự nhiên là 25,70 km²; quy mô dân số là 8.374 người), xã Hoa Thủy (có diện tích tự nhiên là 19,19 km²; quy mô dân số là 8.875 người) và thị trấn Nông trường Lệ Ninh (có diện tích tự nhiên là 11,43 km²; quy mô dân số là 6.200 người)

a) Kết quả sau khi sắp xếp:

- Xã Lệ Ninh có: Tổng diện tích tự nhiên là 56,32 km² (đạt 187,75% so với tiêu chuẩn); quy mô dân số là: 23.449 người (đạt 146,56 % so với tiêu chuẩn).

- Các ĐVHC cùng cấp liền kề: Phía Bắc giáp với xã Trường Ninh và xã Ninh Châu, phía Nam giáp với xã Trường Phú, phía Tây giáp với xã Kim Ngân, phía Đông giáp với xã Cam Hồng và xã Lệ Thủy.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC xã Lệ Ninh: Đặt tại thị trấn Nông trường Lệ Ninh hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC:

- Các xã, thị trấn có vị trí địa lý liền kề, giao thông kết nối thuận tiện (nằm trên tuyến đường HCM và cao tốc Bắc Nam) và có sự tương đồng về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội (phát triển sản xuất nông nghiệp, thương mại, dịch vụ).

- Tên gọi là xã Lệ Ninh để đảm bảo yếu tố dễ nhận diện, ngắn gọn và mang dấu ấn của vùng đất Lệ Ninh trước đây.

- Trụ sở đặt tại thị trấn Nông trường Lệ Ninh vì là trung tâm của đơn vị hành chính xã mới, có giao thông kết nối thuận tiện và điều kiện phát triển cơ sở hạ tầng, tạo thuận lợi cho giao dịch của người dân.

41. Thành lập xã Kim Ngân trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Kim Thủy (có diện tích tự nhiên là 487,34 km²; quy mô dân số là 5.054 người), xã Ngân Thủy (có diện tích tự nhiên là 165,79 km²; quy mô dân số là 2.868 người) và xã Lâm Thủy (có diện tích tự nhiên là 227,93 km²; quy mô dân số là 1.854 người)

a) Kết quả sau khi sắp xếp:

- Xã Kim Ngân có: Tổng diện tích tự nhiên là 881,06 km² (đạt 881,06% so với tiêu chuẩn); quy mô dân số là: 9.776 người (đạt 195,52% so với tiêu chuẩn).

Các đơn vị hành chính cùng cấp liền kề: Phía Bắc giáp với xã Trường Ninh và xã Trường Sơn, phía Nam giáp với các xã tỉnh Quảng Trị, phía Tây giáp với nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào, phía Đông giáp với xã Trường Phú và xã Tân Mỹ.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC xã Kim Ngân: Đặt tại xã Kim Thủy

hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC:

- Các xã có vị trí địa lý liền kề và có sự tương đồng về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội, đời sống sinh hoạt, sản xuất, cùng là xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi của huyện với 65,6% dân số là người dân tộc thiểu số (Bru-Vân Kiều). Mặt khác, 03 xã này vốn chung 01 xã có tên là Đình Phùng; năm 1956, xã Đình Phùng được chia thành 02 xã là Hàm Nghi và Đình Phùng; năm 1965, xã Hàm Nghi được đổi tên thành xã Kim Thủy và xã Đình Phùng được đổi tên thành xã Ngân Thủy theo Quyết định số 216-NV ngày 11/6/1965 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ; Năm 2001, xã Lâm Thủy được thành lập trên cơ sở một phần diện tích tự nhiên và nhân khẩu của xã Ngân Thủy theo Nghị định số 85/2001/NĐ-CP ngày 14/11/2001 của Chính phủ.

- Tên gọi là xã Kim Ngân để đảm bảo yếu tố dễ nhận diện, ngắn gọn và phù hợp, hài hoà với tổng thể và lịch sử hình thành của các xã trước sắp xếp.

- Trụ sở đặt tại xã Kim Thủy vì là địa bàn rộng, có giao thông kết nối thuận tiện, tạo thuận lợi cho giao dịch của người dân.

(Có Phụ lục số 2.3 đính kèm Đề án)

II. KẾT QUẢ SAU KHI THỰC HIỆN SẮP XẾP ĐVHC CẤP XÃ CỦA TỈNH

Trước khi sắp xếp, tỉnh Quảng Bình có **145** ĐVHC cấp xã (gồm: **122** xã; **15** phường và **08** thị trấn).

Sau khi sắp xếp, tỉnh Quảng Bình còn **41** ĐVHC cấp xã (gồm: **05** phường và **36** xã); giảm **104** xã, phường (gồm: **10** phường, **86** xã và **08** thị trấn).

(Có Phụ lục số 2.4 đính kèm Đề án)

III. PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP TỔ CHỨC BỘ MÁY, BỐ TRÍ ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC, NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ GIẢI QUYẾT CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH KHI THỰC HIỆN SẮP XẾP ĐVHC CẤP XÃ

1. Phương án và lộ trình sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy cơ quan, tổ chức sau sắp xếp ĐVHC

1.1. Tổng số ĐVHC cấp xã, các cơ quan, đơn vị sự nghiệp, tổ chức ở các ĐVHC thực hiện sắp xếp: 1.912 tổ chức, trong đó:

- | | |
|---------------------------|-----------------------|
| 1.1.1. ĐVHC cấp xã: | 145 ĐVHC; |
| 1.1.2. Trường học: | 499 trường, trong đó: |
| - Trường mầm non: | 164 trường; |
| - Trường tiểu học: | 169 trường; |
| - Trường TH - THCS: | 39 trường; |
| - Trường trung học cơ sở: | 127 trường; |

1.1.3. Trạm y tế xã, thị trấn: 145 Trạm.

1.1.4. Thôn, tổ dân phố trên địa bàn toàn tỉnh: 1.123 thôn, tổ dân phố (cụ thể: 828 thôn; 103 bản; 192 tổ dân phố).

1.2. Kế hoạch sắp xếp, kiện toàn các ĐVHC, cơ quan, tổ chức, đơn vị tại các ĐVHC mới hình thành sau sắp xếp

1.2.1. Tổ chức ĐVHC cấp xã: Kiện toàn tổ chức, bộ máy tại ĐVHC của 41 xã, phường mới hình thành sau sắp xếp (gồm 5 phường và 36 xã), cụ thể:

- HĐND: thành lập mỗi xã 2 ban (Ban Pháp chế và Ban Kinh tế - Xã hội); Sau khi sắp xếp, toàn tỉnh có 41 Ban Pháp chế và 41 Ban Kinh tế - Xã hội.

- UBND cấp xã: Thành lập 04 phòng và tương đương thuộc UBND cấp xã gồm: (1) Văn phòng HĐND và UBND, (2) Phòng Kinh tế (đối với xã) hoặc phòng Kinh tế, hạ tầng và Đô thị (đối với phường); (3) Phòng Văn hoá – Xã hội; (4) Trung tâm phục vụ hành chính công. Sau khi sắp xếp, tỉnh Quảng Bình có 164 phòng và tương đương thuộc 41 UBND cấp xã, phường.

Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể của các phòng chuyên môn và trung tâm phục vụ hành chính công thuộc UBND cấp xã thực hiện theo hướng dẫn của cơ quan Trung ương.

1.2.2. Đối với các đơn vị sự nghiệp giáo dục và Đào tạo:

Chuyển nguyên trạng 499 đơn vị sự nghiệp giáo dục và đào tạo trên địa bàn cho UBND cấp xã quản lý (gồm: Mầm non 164; Tiểu học: 169; THCS: 127; TH và THCS: 39).

1.2.3. Đối với lĩnh vực Y tế:

Trước mắt duy trì hoạt động của các Trạm Y tế hiện có (145 trạm) để đáp ứng yêu cầu chăm sóc sức khỏe của nhân dân trên địa bàn. Sau khi hoàn thành sắp xếp ĐVHC các cấp, UBND tỉnh xem xét tổ chức lại thành 01 đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND cấp xã;

1.2.4. Thôn, tổ dân phố:

Các thôn, tổ dân phố tại các ĐVHC mới được hợp thành nguyên trạng trên cơ sở các thôn, tổ dân phố của các ĐVHC thực hiện sắp xếp theo phương án sắp xếp chi tiết của từng ĐVHC cấp xã.

2. Phương án và lộ trình bố trí, sắp xếp cán bộ, công chức, viên chức, và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã sau sắp xếp ĐVHC

2.1. Tổng số cán bộ, công chức, viên chức và người hoạt động không chuyên trách cấp xã tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện sắp xếp ĐVHC: 23.125 người, trong đó:

2.1.1. Cán bộ, công chức cấp huyện: 573 người.

2.1.2. Cán bộ, công chức cấp xã: 2.881 người (gồm: 1.515 cán bộ, 1.366 công chức).

2.1.3. Viên chức sự nghiệp giáo dục: 13.831 người (gồm cấp mầm non: 4.746; Tiểu học: 4.584; THCS: 3.296; Tiểu học và THCS: 1.205); Hợp đồng hiện có tại các trường học 1.616 người;

2.1.4. Viên chức y tế cơ sở xã, thị trấn: 1.012 người;

2.1.5. Người hoạt động không chuyên trách cấp xã: 1.588 người;

2.1.6. Người hoạt động không chuyên trách thôn, tổ dân phố: 3.177 người.

2.2. Về biên chế và phương án bố, sắp xếp đội ngũ cán bộ, công chức, người lao động tại các ĐVHC cấp xã mới hình thành sau khi sắp xếp:

2.2.1. Về bố trí cán bộ, công chức cấp huyện:

Chuyển 100% biên chế (573 công chức) cấp huyện hiện có để bố trí biên chế cấp xã, trong đó đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý của hệ thống chính trị cấp huyện hiện nay được bố trí làm nòng cốt tại các đơn vị hành chính cấp xã mới; có thể tăng cường cán bộ

2.2.2. Về bố trí cán bộ, công chức cấp xã:

Trước mắt giữ nguyên số lượng biên chế cán bộ, công chức của cấp xã hiện có để bố trí làm việc tại cấp xã và thực hiện việc rà soát, tinh giản biên chế gắn với cơ cấu lại, nâng cao chất lượng đội ngũ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, bảo đảm trong thời hạn **5 năm** cơ bản theo đúng quy định của Chính phủ; dự kiến bình quân mỗi cấp xã khoảng **32 biên chế** (không bao gồm khối đảng, đoàn thể).

2.2.3. Viên chức sự nghiệp giáo dục:

Để đảm bảo hoàn thành kế hoạch năm học 2024-2025, đội ngũ công chức, viên chức sự nghiệp giáo dục được bố trí ổn định nguyên trạng trên cơ sở tổng số biên chế trong các đơn vị sự nghiệp giáo dục tại các ĐVHC thực hiện sắp xếp đến hết năm học 2024-2025.

Việc bố trí, kiện toàn lại cơ cấu, số lượng công chức, viên chức theo đúng định mức gắn với việc tổ chức cơ cấu lại tổ chức bộ máy, kiện toàn đội ngũ lãnh đạo, quản lý và viên chức chuyên môn, nghiệp vụ, gắn với tinh giản biên chế; đổi tên trường, thay đổi con dấu, chứng thư,... phù hợp với ĐVHC mới hình thành sau sắp xếp, đảm bảo theo đúng quy định từ năm học 2025-2026.

2.2.4. Đối với lĩnh vực Y tế: Để đảm bảo tính ổn định, liên tục trong việc chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân, đội ngũ viên chức Y tế cơ sở trước mắt được bố trí nguyên trạng trên cơ sở tổng số biên chế của trạm y tế xã để bố trí cho 41 Trạm y tế cơ sở mới hình thành sau sắp xếp;

Việc bố trí, kiện toàn lại cơ cấu, biên chế theo đúng định mức gắn với việc điều động, thực hiện chính sách nghỉ hưu, thôi việc,... và tinh giản biên chế theo các quy định pháp luật, đảm bảo sau 5 năm kể từ ngày có quyết định sáp nhập, số lượng cán bộ, công chức, viên chức đảm bảo theo quy định.

2.2.5. Người hoạt động không chuyên trách cấp xã: 1.588 người.

Kết thúc việc sử dụng người hoạt động không chuyên trách cấp xã; giao chính quyền địa phương xem xét, có thể sắp xếp người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ tham gia công tác tại thôn, tổ dân phố và thực hiện chế độ, chính sách đối với cán bộ không bố trí công tác theo quy định.

2.2.6. Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố: 3.177 người.

Các thôn, tổ dân phố và số lượng, cơ cấu người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố tại các ĐVHC mới được sáp nhập nguyên trạng trên cơ sở các thôn, tổ dân phố của các ĐVHC (cũ) trước khi sắp xếp.

(Có Phụ lục 2.5 đính kèm Đề án)

3. Phương án và lộ trình giải quyết chế độ, chính sách sau sắp xếp ĐVHC

3.1. Số lượng công chức, người hoạt động không chuyên trách dôi dư sau khi sắp xếp ĐVHC:

- Công chức: 627 người.

- Người hoạt động không chuyên trách cấp xã: 1.588 người

Dự kiến số lượng công chức, viên chức sắp xếp sau sắp xếp đơn vị hành chính mới như sau:

- Công chức nghỉ hưu: 36 người;

- Tinh giản biên chế hoặc thôi việc đối với công chức: 591 người;

- Viên chức trường học: 13.831 người, giữ nguyên trạng;

- Viên chức y tế: 1.012 người, giữ nguyên trạng.

- Người hoạt động không chuyên trách cấp xã: 1.588 người (kết thúc hoạt động người hoạt động không chuyên trách cấp xã).

- Đối với cán bộ: 1.555 người, trong đó: nghỉ hưu: 29 người; tinh giản biên chế hoặc thôi việc: 337 người. Số cán bộ còn lại: 1189 người, sẽ thực hiện sắp xếp, bố trí sau khi có định hướng việc sắp xếp, bố trí cán bộ khối đảng, đoàn thể của cấp có thẩm quyền.

3.2. Về chế độ, chính sách đối với những trường hợp dôi dư khi thực hiện sắp xếp ĐVHC:

Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động nghỉ hưu, thôi việc, tinh giản biên chế do sắp xếp ĐVHC được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý cán bộ, công chức, viên chức; về chế độ thôi việc; về chính sách tinh giản biên chế và các chính sách khác;

Căn cứ phân cấp quản lý, các cơ quan, tổ chức xây dựng phương án cơ cấu, kiện toàn lại tổ chức bộ máy, biên chế gắn với sắp xếp, cơ cấu lại đội ngũ lãnh đạo, quản lý và tinh giản biên chế, giải quyết chế độ, chính sách đối với các

trường hợp nghỉ tinh giản biên chế theo lộ trình 05 năm.

IV. PHƯƠNG ÁN VÀ LỘ TRÌNH SẮP XẾP, XỬ LÝ TRỤ SỞ, TÀI SẢN CÔNG SAU SẮP XẾP ĐVHC CẤP XÃ

Trước mắt tiếp tục sử dụng trụ sở của 145 xã, phường, thị trấn trong năm 2025 và giữ nguyên nguyên trạng, sử dụng công sở, trụ sở làm việc các cơ quan. Song song với việc thống nhất đặt trung tâm hành chính - chính trị tại xã mới, trước mắt duy trì một số bộ phận của các cơ quan, đơn vị làm việc tại trụ sở cũ, vừa đảm bảo hiệu quả hoạt động vừa giảm áp lực đầu tư nâng cấp, cải tạo trụ sở mới, giảm gánh nặng di chuyển, thuê nhà ở và tạo điều kiện dân ổn định đời sống cán bộ, nhân dân.

Sau khi các ĐVHC cấp xã mới hình thành và đi vào hoạt động ổn định, sẽ đề xuất phương án sắp xếp theo từng năm, đảm bảo hiệu quả, thuận lợi cho người dân, tiết kiệm và chống lãng phí.

(Có Phụ lục số 2.6 đính kèm)

V. PHƯƠNG ÁN VÀ LỘ TRÌNH THỰC HIỆN CÁC CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH ĐẶC THÙ ĐỐI VỚI ĐVHC CẤP XÃ HÌNH THÀNH SAU SẮP XẾP

Trước mắt, người dân, cán bộ, công chức, viên chức và người lao động, người hưởng lương trong lực lượng vũ trang trên địa bàn đơn vị hành chính sau sắp xếp tiếp tục hưởng chế độ, chính sách đặc thù áp dụng theo vùng, theo khu vực hoặc theo đơn vị hành chính như trước khi thực hiện sắp xếp cho đến khi có quyết định khác của cấp có thẩm quyền.

Giữ nguyên phạm vi, đối tượng và nội dung của các chế độ, chính sách theo quy định của trung ương và địa phương áp dụng đối với đơn vị hành chính như trước khi sắp xếp cho đến khi có quyết định khác của cấp có thẩm quyền.

Trường hợp thay đổi tên gọi của đơn vị hành chính sau sắp xếp thì sử dụng tên gọi mới của đơn vị hành chính để tiếp tục tổ chức thực hiện các chế độ, chính sách đặc thù.

Sau khi có các quy định của cấp có thẩm quyền: Tiến hành rà soát, lập danh sách các ĐVHC cấp xã hiện đang hưởng chế độ, chính sách đặc thù trên địa bàn và xác định lộ trình rà soát, đánh giá việc đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện của ĐVHC hình thành sau sắp xếp theo quy định. Sau khi có Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC cấp xã năm 2025 của tỉnh Quảng Bình, UBND tỉnh sẽ chỉ đạo các cơ quan chuyên môn tham mưu đề trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định việc tiếp tục được hưởng các chế độ, chính sách đặc thù theo quy định hiện hành, cụ thể:

1. Rà soát xác định xã khu vực III, II, I và thôn đặc biệt khó khăn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đối với các xã miền núi hình thành

sau sắp xếp.

2. Rà soát các ĐVHC cấp xã đạt chuẩn NTM, NTM nâng cao thực hiện sắp xếp để đánh giá việc đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện đạt chuẩn NTM của ĐVHC hình thành sau sắp xếp:

3. Rà soát điều kiện công nhận xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang.

VI. TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ TRONG VIỆC SẮP XẾP ĐVHC CẤP XÃ

1. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trong việc triển khai thực hiện sắp xếp các ĐVHC cấp xã

1.1. Sở Nội vụ

- Cơ quan chủ trì tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện các nội dung trong Đề án sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã năm 2025 của tỉnh Quảng Bình.

- Báo cáo định kỳ về tiến độ thực hiện các bước trong nội dung Đề án sắp xếp đơn vị hành chính với Ủy ban nhân dân tỉnh để báo cáo Ban chỉ đạo sắp xếp ĐVHC tỉnh, Thường trực, Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Bộ Nội vụ.

- Trực tiếp thực hiện các nội dung của đề án và đôn đốc các đơn vị hành chính cấp xã mới nghiêm túc triển khai Đề án đảm bảo hiệu quả, đúng tiến độ.

- Lập dự toán kinh phí thực hiện Đề án trình Ủy ban nhân dân tỉnh cấp kinh phí thực hiện Đề án theo quy định.

- Tham mưu UBND tỉnh thực hiện sắp xếp bố trí cán bộ, công chức cấp xã dôi dư.

- Phối hợp với Ban Tổ chức Tỉnh ủy kiện toàn các chức danh cán bộ đối với các đơn vị sắp xếp.

1.2. Sở Tài chính

Hướng dẫn các sở, ngành có liên quan thực hiện dự toán, quản lý, sử dụng, quyết toán kinh phí thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp xã và các nội dung khác thuộc thẩm quyền: sắp xếp, xử lý trụ sở, tài sản công của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc địa phương.

Chủ trì, phối hợp các sở, ngành, địa phương có liên quan tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định cụ thể các nhiệm vụ chi và quyết định mức hỗ trợ cụ thể đối với từng đơn vị hành chính cấp xã mới sau khi thực hiện sắp xếp, bảo đảm phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh, tuân thủ quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Hướng dẫn các sở, ngành, địa phương triển khai thực hiện rà soát, bổ sung nội dung sắp xếp ĐVHC vào Quy hoạch tỉnh theo Luật Quy hoạch, các quy định

của pháp luật về quy hoạch, hướng dẫn của Bộ, ngành Trung ương.

1.3. Sở Xây dựng

Hướng dẫn UBND cấp huyện thực hiện đánh giá phân loại đô thị và đánh giá trình độ phát triển hạ tầng đô thị khi thực hiện sắp xếp ĐVHC đô thị, tham mưu UBND tỉnh quyết định hoặc trình cấp có thẩm quyền xem xét theo quy định. Hướng dẫn ĐVHC xã mới triển khai thực hiện rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch nông thôn, quy hoạch đô thị và các quy hoạch khác có liên quan theo chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Xây dựng.

Phối hợp với các sở, ngành có liên quan và các địa phương tham mưu UBND tỉnh đề nghị các Bộ, ngành bố trí nguồn lực đầu tư và có lộ trình, kế hoạch phát triển hạ tầng đô thị đối với các ĐVHC đô thị thực hiện sắp xếp phù hợp; phân loại, đánh giá đạt tiêu chí của loại đô thị tương ứng theo quy định của pháp luật.

1.4. Sở Y tế

Chủ trì, phối hợp với ĐVHC cấp xã mới sắp xếp tổ chức, bộ máy, cán bộ quản lý, viên chức trạm y tế sau sắp xếp; trình Chủ tịch UBND tỉnh quyết định quy định lại cơ cấu tổ chức các Trung tâm Y tế khi chuyển giao trạm y tế về cấp xã; cơ cấu lại đội ngũ viên chức theo vị trí việc làm được phê duyệt, bảo đảm hợp lý về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, chức danh nghề nghiệp viên chức và phát huy năng lực, sở trường; giải quyết chế độ, chính sách đối với cán bộ quản lý, viên chức trạm y tế di dời theo quy định.

1.5. Sở Giáo dục và Đào tạo

Chủ trì tham mưu UBND tỉnh thực hiện sắp xếp các cơ sở giáo dục phổ thông, thường xuyên thuộc thẩm quyền quản lý; phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương sắp xếp các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học, trung học cơ sở trên địa bàn tỉnh đúng quy định của pháp luật, bảo đảm tính khoa học, linh hoạt, tạo thuận lợi cho người dân và phù hợp với các ĐVHC mới hình thành sau sắp xếp, theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

1.6. Sở Nông nghiệp và Môi trường

Hướng dẫn, chủ trì và phối hợp các sở, ngành, địa phương rà soát, bổ sung thực hiện các chính sách theo Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025, quy hoạch sử dụng đất đai tại các ĐVHC cấp xã thực hiện sắp xếp và các nội dung khác thuộc chức năng, nhiệm vụ. Hướng dẫn việc rà soát, cập nhật diện tích tự nhiên theo kết quả kiểm kê đất đai; việc rà soát, chỉnh lý hồ sơ địa chính sau khi sắp xếp ĐVHC do thay đổi đường địa giới hành chính và tên gọi của ĐVHC cấp xã và các nội dung khác thuộc chức năng, nhiệm vụ.

1.7. Sở Tư pháp

Hướng dẫn việc chuyển giao, xác định cơ quan lưu trữ, bảo quản, khai thác, sử dụng các loại Sổ hộ tịch, giải quyết các thủ tục hành chính trong lĩnh vực hộ tịch và đăng ký giao dịch bảo đảm khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã.

1.8. Sở Dân tộc và Tôn giáo

Chủ trì hướng dẫn thực hiện chế độ chính sách đối với cấp xã, thôn hình thành sau sắp xếp trên địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; rà soát xác định xã khu vực III, khu vực II, khu vực I, thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi để tham mưu UBND tỉnh trình cấp có thẩm quyền xem xét theo quy định.

1.9. Công an tỉnh

- Đảm bảo công tác an ninh, giữ gìn trật tự xã hội tại các địa bàn tiến hành sắp xếp đơn vị hành chính;

- Chỉ đạo Công an các xã, phường phối hợp với Ủy ban nhân dân các ĐVHC mới đảm bảo an ninh trật tự tại địa bàn trong quá trình triển khai Đề án;

- Chỉ đạo thực hiện kiện toàn, tổ chức lực lượng công an cấp xã sau sắp xếp đơn vị hành chính;

- Hướng dẫn, tổ chức thực hiện thu hồi con dấu cũ, khắc con dấu mới của cơ quan, tổ chức do thay đổi địa giới, tên gọi của ĐVHC sau khi thực hiện sắp xếp ĐVHC;

- Định kỳ báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh tình hình an ninh trật tự trên địa bàn toàn tỉnh để có hướng chỉ đạo giải quyết.

1.10. Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh

Chủ trì tổ chức lực lượng dân quân tự vệ sau sắp xếp ĐVHC; xác định ĐVHC cấp xã thuộc khu vực biên giới, trọng điểm quốc phòng và các nội dung khác thuộc thẩm quyền.

1.11. Các Sở, ngành liên quan

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động tạo sự thống nhất về nhận thức và thực hiện trong đội ngũ cán bộ, công chức các cấp và nhân dân ở địa phương về chủ trương sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã;

- Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, đặc biệt là trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị trong tổ chức triển khai thực hiện sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã theo Kế hoạch thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp xã của tỉnh Quảng Bình năm 2025;

- Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị và, chủ động hướng dẫn ĐVHC cấp xã mới nghiên cứu, bố trí sắp xếp các đối tượng thuộc ngành của mình đang bố trí tại cấp xã đảm nhiệm lĩnh vực ngành cho phù hợp với tình hình thực tế tại thời điểm sắp xếp lại;

- Các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh sửa

đổi, bổ sung các cơ chế, chính sách về phân bổ nguồn vốn đầu tư phát triển, phân bổ ngân sách chi thường xuyên theo quy định;

- Rà soát, tham mưu UBND tỉnh đề xuất, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt điều chỉnh hoặc phê duyệt theo thẩm quyền các quy hoạch kỹ thuật, chuyên ngành, các quy hoạch khác có liên quan theo chức năng quản lý bảo đảm phù hợp với việc thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính 02 cấp tại địa phương.

- Các cơ quan có chức năng thanh tra, kiểm tra, giám sát tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện chủ trương sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã.

1.12. UBND cấp huyện:

Chủ động phối với Sở Nội vụ và các sở, ngành có liên quan triển khai thực hiện Đề án sắp xếp đơn vị hành chính của đơn vị mình, cụ thể:

- Thực hiện phương án sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã và hướng dẫn UBND cấp xã thực hiện đúng các quy trình sắp xếp đơn vị hành chính theo quy định;

- Chú trọng công tác đánh giá, phân loại cán bộ, công chức, viên chức khi tiến hành rà soát, sắp xếp nhân sự, bố trí đội ngũ cán bộ, công chức tại các ĐVHC cấp xã mới.

- Chủ động chuẩn bị xây dựng phương án nhân sự chủ chốt của chính quyền địa phương các cấp nhiệm kỳ 2025-2030 theo hướng dẫn của cấp có thẩm quyền.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị tham mưu UBND tỉnh sắp xếp, tổ chức lại các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học, trung học cơ sở theo hướng dẫn của cấp có thẩm quyền.

1.16. Ủy ban nhân dân cấp xã có liên quan đến việc sắp xếp ĐVHC

- Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, đặc biệt là trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị trong tổ chức triển khai thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã;

- Phối hợp với cấp có thẩm quyền đánh giá, phân loại cán bộ, công chức bảo đảm lựa chọn được những người có phẩm chất, năng lực để đảm nhận những vị trí công việc tại đơn vị hành chính mới;

- Quan tâm, giúp đỡ, phối hợp, hỗ trợ và giải quyết thỏa đáng các chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, những người hưởng phụ cấp từ ngân sách nhà nước doi dư do sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính cấp xã;

2. Các cấp, các ngành, các cơ quan, tổ chức, đơn vị liên quan tại các ĐVHC mới hình thành sau sắp xếp chủ động trong việc sắp xếp, ổn định tổ chức bộ máy, thực hiện tinh giản và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, người lao động; thực hiện chuyển đổi các loại giấy tờ cho cá nhân, tổ chức do thay đổi địa giới, tên gọi ĐVHC cấp xã theo quy định.

3. Đề nghị các cấp ủy Đảng, chính quyền, Mặt trận và các tổ chức chính trị - xã hội tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền kịp thời, thường xuyên, sâu rộng trong đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và các tầng lớp Nhân dân về chủ trương, chính sách của Đảng, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ về mục đích, ý nghĩa, tầm quan trọng, sự cần thiết của việc sắp xếp ĐVHC cấp xã trong thời kỳ mới, để các tổ chức, cá nhân hiểu rõ quyền và nghĩa vụ, tạo sự đồng thuận trong nhận thức, hành động; vận động Nhân dân thực hiện tốt chủ trương của Đảng về sắp xếp đơn vị hành chính.

VII. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Kết luận

Sau sắp xếp, tỉnh Quảng Bình còn **41 xã, phường** (gồm 5 phường và 36 xã) đạt tỷ lệ **giảm 71,72%** đơn vị hành chính cấp xã.

Theo quy định tại Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14/4 /2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC năm 2025, tỉnh Quảng Bình có **38 ĐVHC cấp xã** (gồm **05 phường; 38 xã**) đạt tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số; có **01 xã** chưa đạt tiêu chí về diện tích (xã Tân Thành); 02 xã chưa đạt về tiêu chí dân số (xã Tuyên Sơn và xã Thượng Trạch). Những xã chưa đạt về tiêu chí diện tích hoặc dân số đều là những xã có vị trí biệt lập, tách biệt với các xã lân cận; thuộc khu vực miền núi, biên giới hoặc địa bàn rộng; đa số là người dân tộc thiểu số sinh sống.

Việc sắp xếp ĐVHC cấp xã năm 2025 của tỉnh Quảng Bình đảm bảo tinh thần chỉ đạo và các quy định tại Kết luận số 127-KL/TW ngày 28/5/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về triển khai nghiên cứu, đề xuất sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị; Kết luận số 137-KL/TW ngày 29/3/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về Đề án sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp và Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14/4/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Trong quá trình xây dựng phương án tổng thể sắp xếp ĐVHC cấp xã năm 2025, tỉnh Quảng Bình đã cân nhắc thận trọng các yếu tố đặc thù, xem xét toàn diện quá trình hình thành, phát triển của từng ĐVHC, chú trọng giữ gìn, củng cố và phát huy bản sắc văn hóa, truyền thống, lịch sử, phong tục, tập quán, bảo đảm ổn định chính trị - xã hội, ổn định quốc phòng, an ninh để tập trung phát triển đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân.

2. Kiến nghị, đề xuất

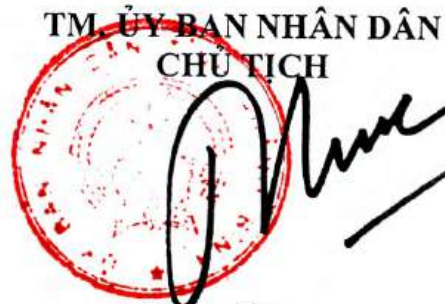
Có 03 ĐVHC cấp xã dự kiến hình thành sau sắp xếp chưa đạt tiêu chuẩn theo quy định (có 01 xã chưa đạt về tiêu chí diện tích tự nhiên và 02 xã chưa đạt về tiêu chí dân số). Tuy nhiên, do có yếu tố đặc thù địa lý tự nhiên biệt lập, thuộc khu vực miền núi, biên giới và đông đồng bào dân tộc thiểu số nên không

nhập thêm hoặc điều chỉnh địa giới hành chính của ĐVHC cùng cấp liền kề. Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình kính trình Chính phủ, Bộ Nội vụ báo cáo Ủy ban Thường vụ xem xét.

Trên đây là Đề án sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Quảng Bình năm 2025. Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình kính trình Chính phủ xem xét, trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định./. *me y*

Nơi nhận:

- Chính phủ;
- Thủ tướng Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- Ban TVTU, TT HĐND tỉnh;
- Ban chỉ đạo sắp xếp ĐVHC tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các Ban Đảng, UBKT Tỉnh ủy;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh và các Tổ chức Chính trị - xã hội tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Ban Thường vụ huyện ủy, thị ủy, thành ủy;
- TT HĐND, UBND các huyện, TX, TP;
- ĐVHC cấp xã thực hiện sắp xếp;
- Lưu: VT, NCVX.



Trần Phong

TỈNH QUẢNG BÌNH

THÔNG KÊ HIỆN TRẠNG ĐVHC CẤP XÃ HIỆN NAY
(Kèm theo Đề án sắp xếp ĐVHC cấp xã năm 2025)

Số TT	Tên ĐVHC	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số		Khu vực miền núi, VC	Khu vực hải đảo	Yếu tố đặc thù (nếu có)	Thuộc diện sắp xếp
		Diện tích (km ²)	Tỷ lệ (%)	Quy mô dân số (người)	Tỷ lệ (%)				
	1	2	3	4	5	6	7	8	9
I	Thành phố Đồng Hới	155,87		155.113					
1	Các xã:								
1.1	Xã Bảo Ninh	17,67	58,91	11.441	143,01				X
1.2	Xã Lộc Ninh	13,32	44,40	11.240	140,50				X
1.3	Xã Đức Ninh	5,56	18,52	10.669	133,36				X
1.4	Xã Quang Phú	3,22	10,75	3.891	48,64				X
1.5	Xã Thuận Đức	45,29	150,98	5.256	65,70				X
1.6	Xã Nghĩa Ninh	15,70	52,34	6.217	77,71				X
2	Các thị trấn:								
3	Các phường:								
3.1	Phường Bắc lý	9,95	180,88	23.390	334,14				X
3.2	Phường Nam Lý	4,04	73,40	21.054	300,77				X
3.3	Phường Đồng Phú	3,79	68,91	13.113	187,33				X
3.4	Phường Đồng Sơn	19,55	355,48	11.005	157,21				X
3.5	Phường Bắc Nghĩa	7,49	136,19	9.918	141,69				X
3.6	Phường Đồng Hải	1,93	35,09	9.170	131,00				X
3.7	Phường Đức Ninh Đông	2,78	50,57	7.301	104,30				X
3.8	Phường Hải Thành	2,45	44,51	6.954	99,34				X
3.9	Phường Phú Hải	3,13	56,84	4.494	64,20				X
II	Thị xã Ba Đồn	162,30		125.775					
1	Các xã:								
1.1	Xã Quảng Hòa	5,62	18,75	10.893	136,16				X
1.2	Xã Quảng Lộc	6,07	20,22	9.787	122,34				X
1.3	Xã Quảng Văn	4,55	15,15	6.835	85,44				X
1.4	Xã Quảng Minh	18,19	60,62	9.012	112,65				X
1.5	Xã Quảng Sơn	53,73	179,10	8.155	101,94				X
1.6	Xã Quảng Thủy	2,77	9,24	2.975	37,19				X
1.7	Xã Quảng Tân	2,91	9,69	4.054	50,68				X
1.8	Xã Quảng Trung	6,79	22,64	6.434	80,43				X
1.9	Xã Quảng Tiên	10,10	33,65	6.025	75,31				X
1.10	Xã Quảng Hải	4,25	14,17	3.529	44,11				X
2	Các thị trấn:								
3	Các phường:								

Số TT	Tên ĐVHC	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số		Khu vực miền núi, VC	Khu vực hải đảo	Yếu tố đặc thù (nếu có)	Thuộc diện sắp xếp
		Diện tích (km ²)	Tỷ lệ (%)	Quy mô dân số (người)	Tỷ lệ (%)				
	1	2	3	4	5	6	7	8	9
3.1	Phường Quảng Phúc	14,18	257,77	10.293	147,04				X
3.2	Phường Quảng Thuận	7,74	140,64	8.492	121,31				X
3.3	Phường Quảng Thọ	9,22	167,61	14.015	200,21				X
3.4	Phường Ba Đồn	1,82	33,02	11.415	163,07				X
3.5	Phường Quảng Long	9,64	175,32	7.014	100,20				X
3.6	Phường Quảng Phong	4,74	86,19	6.847	97,81				X
III	Huyện Minh Hóa	1.393,75		61.745					
1	Các xã:								
1.1	Xã Dân Hóa	174,52	349,05	4.620	92,40	X			X
1.2	Xã Trọng Hóa	190,48	380,96	4.912	98,24	X			X
1.3	Xã Hồng Hóa	69,48	231,60	4.207	52,59				X
1.4	Xã Tân Thành	89,77	179,54	5.513	110,26	X		X	
1.5	Xã Hóa Hợp	51,84	103,69	4.082	81,64	X			X
1.6	Xã Xuân Hóa	40,36	134,53	3.512	43,90				X
1.7	Xã Yên Hóa	31,86	106,21	5.108	63,85				X
1.8	Xã Minh Hóa	33,97	113,24	4.732	59,15				X
1.9	Xã Tân Hóa	71,85	239,50	3.583	44,79				X
1.10	Xã Hóa Sơn	177,58	355,17	2.083	41,66	X			X
1.11	Xã Trung Hóa	92,01	306,71	6.714	83,93				X
1.12	Xã Thượng Hóa	354,74	709,49	4.025	80,50	X			X
2	Các thị trấn:								
2.1	Thị trấn Quy Đạt	15,27	109,09	8.654	108,18				
IV	Huyện Tuyên Hóa	1.128,75		95.543					
1	Các xã:								
1.1	Xã Thanh Hóa	134,59	448,63	7.044	88,05				X
1.2	Xã Kim Hóa	182,72	609,07	6.413	80,16				X
1.3	Xã Thạch Hóa	74,68	248,92	8.550	106,88				X
1.4	Xã Ngư Hoá	60,48	201,61	565	7,06				X
1.5	Xã Lâm Hóa	100,61	201,23	1.357	27,14	X			X
1.6	Xã Đồng Hóa	43,30	144,32	4.213	52,66				X
1.7	Xã Phong Hóa	27,50	91,67	6.201	77,51				X
1.8	Xã Châu Hóa	17,66	58,86	5.663	70,79				X
1.9	Xã Thanh Thạch	29,26	97,54	2.815	35,19				X
1.10	Xã Cao Quảng	114,41	381,35	3.524	44,05				X
1.11	xã Mai Hóa	31,21	104,04	8.853	110,66				X
1.12	Xã Thuận Hóa	44,91	149,69	2.738	34,23				X
1.13	Xã Tiến Hóa	37,81	126,02	8.648	108,10				X

Số TT	Tên ĐVHC	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số		Khu vực miền núi, VC	Khu vực hải đảo	Yếu tố đặc thù (nếu có)	Thuộc diện sắp xếp
		Diện tích (km ²)	Tỷ lệ (%)	Quy mô dân số (người)	Tỷ lệ (%)				
		2	3	4	5	6	7	8	9
1.14	Xã Đức Hóa	37,40	124,66	6.037	75,46				X
1.15	Xã Sơn Hóa	31,28	104,27	4.511	56,39				X
1.16	Xã Hương Hóa	102,88	342,93	3.923	49,04				X
1.17	Xã Văn Hoá	25,04	83,47	3.617	45,21				X
1.18	Xã Lê Hóa	22,80	76,01	3.175	39,69				X
2	Các thị trấn:								
2.1	Thị trấn Đồng Lê	10,22	73,02	7.696	96,20				
V	Huyện Quảng Trạch	446,61		130.899					
1	Các xã:								
1.1	Xã Quảng Hợp	113,29	377,64	7.157	89,46				X
1.2	Xã Quảng Kim	37,66	125,55	4.568	57,10				X
1.3	Xã Quảng Đông	26,48	88,28	7.527	94,09				X
1.4	Xã Quảng Phú	19,98	66,61	11.598	144,98				X
1.5	Xã Quảng Châu	41,00	136,68	11.642	145,53				X
1.6	Xã Quảng Thạch	46,34	154,47	4.241	53,01				X
1.7	Xã Quảng Lưu	39,27	130,90	7.467	93,34				X
1.8	Xã Quảng Tùng	10,11	33,70	8.420	105,25				X
1.9	Xã Cảnh Dương	1,56	5,21	9.839	122,99				X
1.10	Xã Quảng Tiến	13,22	44,05	4.623	57,79				X
1.11	Xã Quảng Hưng	21,01	70,04	9.719	121,49				X
1.12	Xã Quảng Xuân	11,66	38,85	11.898	148,73				X
1.13	Xã Liên Trường	25,85	86,16	8.103	101,29				X
1.14	Xã Quảng Phương	23,97	79,90	9.805	122,56				X
1.15	Xã Phù Cảnh	11,39	37,96	9.330	116,63				X
1.16	Xã Quảng Thanh	3,81	12,70	4.962	62,03				X
2	Các thị trấn:								
VI	Huyện Bố Trạch	2.115,49		223.282					
1	Các xã:								
1.1	Xã Xuân Trạch	172,58	575,28	6.745	84,31				X
1.2	Xã Thượng Trạch	741,52	1.483,04	3.248	64,96	X			X
1.3	Xã Phúc Trạch	58,52	195,06	13.988	174,85				X
1.4	Xã Hưng Trạch	93,01	310,05	13.745	171,81				X
1.5	Xã Thanh Trạch	23,80	79,32	15.331	191,64				X
1.6	Xã Hải Phú	14,60	48,65	15.629	195,36				X
1.7	Xã Tân Trạch	354,26	708,51	367	7,34	X			X
1.8	Xã Phú Định	146,37	487,89	3.194	39,93				X
1.9	Xã Tây Trạch	28,17	93,91	5.887	73,59				X

Số TT	Tên ĐVHC	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số		Khu vực miền núi, VC	Khu vực hải đảo	Yếu tố đặc thù (nếu có)	Thuộc diện sắp xếp
		Diện tích (km ²)	Tỷ lệ (%)	Quy mô dân số (người)	Tỷ lệ (%)				
	1	2	3	4	5	6	7	8	9
1.10	Xã Lâm Trạch	27,52	91,73	4.552	56,90				X
1.11	Xã Đại Trạch	25,03	83,45	10.549	131,86				X
1.12	Xã Nhân Trạch	2,48	8,27	11.300	141,25				X
1.13	Xã Đức Trạch	2,72	9,06	9.103	113,79				X
1.14	Xã Bắc Trạch	17,82	59,40	7.972	99,65				X
1.15	Xã Liên Trạch	28,31	94,35	4.519	56,49				X
1.16	Xã Cự Nẫm	32,20	107,35	8.591	107,39				X
1.17	Xã Vạn Trạch	27,84	92,79	7.700	96,25				X
1.18	Xã Đồng Trạch	6,21	20,71	6.607	82,59				X
1.19	Xã Hạ Mỹ	27,68	92,28	9.039	112,99				X
1.20	Xã Trung Trạch	10,65	35,49	6.775	84,69				X
1.21	Xã Sơn Lộc	12,20	40,67	2.835	35,44				X
1.22	Xã Hòa Trạch	22,12	73,74	5.287	66,09				X
1.23	Xã Lý Nam	41,48	138,26	9.611	120,14				X
2	Các thị trấn:								
2.1	Thị trấn NT Việt Trung	85,87	613,36	11.683	146,04				X
2.2	Thị trấn Hoàn Lão	13,06	93,28	15.056	188,20				X
2.3	Thị trấn Phong Nha	99,48	710,54	13.969	174,61				X
VII	Huyện Quảng Ninh	1.194,18		110.406					
1	Các xã:								
1.1	Xã Vĩnh Ninh	49,76	165,88	7.818	97,73				X
1.2	Xã Võ Ninh	21,71	72,36	10.487	131,09				X
1.3	Xã Gia Ninh	28,52	95,06	8.998	112,48				X
1.4	Xã An Ninh	19,59	65,31	10.648	133,10				X
1.5	Xã Vạn Ninh	29,06	96,87	8.423	105,29				X
1.6	Xã Hiền Ninh	15,00	50,00	8.287	103,59				X
1.7	Xã Trường Sơn	779,62	1.559,24	5.403	108,06	X			X
1.8	Xã Hải Ninh	38,26	127,55	7.069	88,36				X
1.9	Xã Tân Ninh	11,46	38,18	6.095	76,19				X
1.10	Xã Xuân Ninh	8,27	27,58	8.256	103,20				X
1.11	Xã Duy Ninh	7,79	25,96	7.936	99,20				X
1.12	Xã Hàm Ninh	20,11	67,02	6.912	86,40				X
1.13	Xã Trường Xuân	156,34	312,68	3.081	61,62	X			X
2	Các thị trấn:								
2.1	Thị trấn Quán Hàu	8,69	62,07	10.993	137,41				X
VIII	Huyện Lệ Thủy	1.401,80		176.356					
1	Các xã:								

THÔNG KÊ ĐVHC CẤP XÃ ĐẠT TIÊU CHUẨN VÀ KHÔNG THỰC HIỆN SẮP XẾP DO CÓ YẾU TỐ ĐẶC THÙ

(Kèm theo Đề án sắp xếp ĐVHC cấp xã năm 2025)

Số TT	Tên ĐVHC	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số		Khu vực miền núi, vùng cao	Khu vực hải đảo	Yếu tố đặc thù (nếu có)
		Diện tích (km ²)	Tỷ lệ (%) theo quy định tại NQ số 76/2025/UBTVQH15	Quy mô dân số (người)	Tỷ lệ (%) theo quy định tại NQ số 76/2025/UBTVQH15			
	1	2	3	4	5	6	7	8
I	Huyện Minh Hóa							
1.1	Xã Tân Thành	89,77	179,54	5.513	110,26	Xã miền núi		Vị trí biệt lập, có đồng đồng bào DTTS sinh sống, đã sắp xếp giai đoạn 2023-2025 trên cơ sở sáp nhập 03 xã: Hóa Tiến, Hóa Thanh và Hóa Phúc

Ghi chú:

- Số liệu diện tích tự nhiên và quy mô dân số tính đến thời điểm 31/12/2024;
- Tỷ lệ % diện tích tự nhiên và quy mô dân số của xã, phường được tính theo tiêu chuẩn của xã, phường tương ứng quy định tại Nghị quyết của UBTVQH về tiêu chuẩn đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính.

THÔNG KÊ PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP DVHC CẤP XÃ NĂM 2025
(Kèm theo Đề án sắp xếp DVHC cấp xã năm 2025)

Số TT	Tên DVHC cấp xã mới	Phương án	Số DVHC cấp xã giảm	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số		Khu vực miền núi, vùng cao	Khu vực hải đảo	Yếu tố đặc thù (nếu có)
				Diện tích (km ²)	Tỷ lệ (%)	Quy mô dân số (người)	Tỷ lệ (%)			
	1		2	3	4	5	6	7	8	9
I		Thành phố Đồng Hới		155,87		155.113				
1	Các phường:									
1.1	Phường Đồng Hới	Sáp nhập xã Bảo Ninh, xã Đức Ninh, phường Nam Lý, phường Đồng Hải, phường Đồng Phú, phường Đức Ninh Đông, phường Phú Hải và phường Hải Thanh	7	41,35	751,82	84.196	400,93			
1.2	Phường Đồng Thuận	Sáp nhập xã Lộc Ninh, xã Quang Phú và phường Bắc Lý	2	26,49	481,66	38.521	183,43			
1.3	Phường Đồng Sơn	Sáp nhập xã Nghĩa Ninh, xã Thuận Đức, phường Bắc Nghĩa và phường Đồng Sơn	3	88,03	1.600,55	32.396	154,27			
II		Thị xã Ba Đồn		162,32		125.775				
I	Các xã:									
1.1	Xã Nam Gianh	Nhập xã Quảng Hòa, xã Quảng Lộc, xã Quảng Văn và xã Quảng Minh	3	34,43	114,77	36.527	228,29			
1.2	Xã Tây Gianh	Nhập xã Quảng Tân, xã Quảng Trung, xã Quảng Tiên, xã Quảng Sơn và xã Quảng Thủy	4	76,30	254,33	27.643	172,77			

Số TT	Tên ĐVHC cấp xã mới	Phương án	Số ĐVHC cấp xã giảm	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số		Khu vực miền núi, vùng cao	Khu vực hải đảo	Yếu tố đặc thù (nếu có)
				Diện tích (km ²)	Tỷ lệ (%)	Quy mô dân số (người)	Tỷ lệ (%)			
	1		2	3	4	5	6	7	8	9
2	Các phường:									
2.1	Pường Ba Đồn	Sáp nhập xã Quảng Hải, phường Quảng Phong, phường Quảng Long và phường Ba Đồn	3	20,45	371,81	28.805	137,17			
2.2	Pường Bắc Gianh	Sáp nhập phường Quảng Phúc, phường Quảng Thuận và phường Quảng Thọ	2	31,14	566,18	32.800	156,19			
III		Huyện Minh Hóa								
1	Các xã:			1.393,74		61.745				
1.1	Xã Dân Hóa	Nhập xã Dân Hóa và xã Trọng Hóa	1	365,00	365,00	9.532	190,64	X		
1.2	Xã Kim Điền	Nhập xã Hóa Sơn và xã Hóa Hợp	1	229,42	229,42	6.165	123,30	X		
1.3	Xã Kim Phú	Nhập xã Thượng Hóa, xã Trung Hóa, xã Minh Hóa và xã Tân Hóa	3	552,57	552,57	19.054	381,08	X		
1.4	Xã Minh Hóa	Nhập xã Xuân Hóa, xã Yên Hóa, xã Hồng Hóa và thị trấn Quy Đạt	3	156,97	523,24	21.481	134,26			
1.5	Xã Tân Thành	Giữ nguyên	0	89,77	89,77	5.513	110,26	X		X (vị trí biệt lập)

Số TT	Tên DVHC cấp xã mới	Phương án	Số DVHC cấp xã giảm	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số		Khu vực miền núi, vùng cao	Khu vực hải đảo	Yếu tố đặc thù (nếu có)
				Diện tích (km ²)	Tỷ lệ (%)	Quy mô dân số (người)	Tỷ lệ (%)			
			2	3	4	5	6	7	8	9
IV		Huyện Tuyên Hóa		1.128,77		95.543				
I	Các xã:									
1.1	Xã Tuyên Lâm	Nhập xã Lâm Hóa và xã Thanh Hóa	1	235,20	235,20	8.401	168,02	X		
1.2	Xã Tuyên Sơn	Nhập xã Thanh Thạch và xã Hương Hóa	1	132,14	440,47	6.738	42,11			X (vị trí biệt lập)
1.3	Xã Đồng Lê	Nhập xã Kim Hóa, xã Lê Hóa, xã Thuận Hóa, xã Sơn Hóa và thị trấn Đồng Lê	4	291,93	973,11	24.533	153,33			
1.4	Xã Tuyên Phú	Nhập xã Đồng Hóa, xã Thạch Hóa và xã Đức Hóa	2	155,38	517,93	18.800	117,50			
1.5	Xã Tuyên Bình	Nhập xã Phong Hóa, xã Ngự Hóa và xã Mai Hóa	2	119,19	397,32	15.619	97,62			
1.6	Xã Tuyên Hóa	Nhập xã Tiến Hóa, xã Châu Hóa, xã Cao Quảng và xã Văn Hóa	3	194,92	649,73	21.452	134,08			
V		Huyện Quảng Trạch								
I	Các xã:									
1.1	Xã Tân Gianh	Nhập xã Phù Cánh, xã Liên Trường và xã Quảng Thanh	2	41,05	136,82	22.395	139,97			

Số TT	Tên ĐVHC cấp xã mới	Phương án	Số ĐVHC cấp xã giảm	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số		Khu vực miền núi, vùng cao	Khu vực hải đảo	Yếu tố đặc thù (nếu có)
				Diện tích (km ²)	Tỷ lệ (%)	Quy mô dân số (người)	Tỷ lệ (%)			
	I		2	3	4	5	6	7	8	9
1.2	Xã Trung Thuận	Nhập xã Quảng Lưu, xã Quảng Thạch và xã Quảng Tiến	2	98,83	329,43	16.331	102,07			
1.3	Xã Quảng Trạch	Nhập xã Quảng Phương, xã Quảng Xuân và Quảng Hưng	2	56,64	188,80	31.422	196,39			
1.4	Xã Hòa Trạch	Nhập xã Quảng Châu, xã Quảng Tùng và xã Cảnh Dương	2	52,67	175,57	29.901	186,88			
1.5	Xã Phú Trạch	Nhập xã Quảng Đông, xã Quảng Phú, xã Quảng Kim và xã Quảng Hợp	3	197,41	658,03	30.850	192,81			
VI		Huyện Bố Trạch		2.115,49		223.282				
1	Các xã:									
1.1	Xã Thượng Trạch	Nhập xã Tân Trạch và xã Thượng Trạch	1	1.095,78	1.095,78	3.615	72,3	X		(Xã biên giới, biệt lập, có đông người DTTS sinh sống)
1.2	Xã Phong Nha	Nhập xã Lâm Trạch, xã Xuân Trạch, xã Phúc Trạch và thị trấn Phong Nha	3	358,10	1.193,66	39.254	245,34			
1.3	Xã Bắc Trạch	Nhập xã Bắc Trạch, xã Thanh Trạch, xã Hạ Mỹ và xã Liên Trạch	3	97,61	325,35	36.861	230,38			
1.4	Xã Đông Trạch	Nhập xã Hải Phú, xã Sơn Lộc, xã Đức Trạch và xã Đồng Trạch	3	35,72	119,08	34.174	213,59			

Số TT	Tên DVHC cấp xã mới	Phương án	Số DVHC cấp xã giảm	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số		Khu vực miền núi, vùng cao	Khu vực hải đảo	Yếu tố đặc thù (nếu có)
				Diện tích (km ²)	Tỷ lệ (%)	Quy mô dân số (người)	Tỷ lệ (%)			
			2	3	4	5	6	7	8	9
1.5	Xã Hoàn Lão	Nhập xã Trung Trạch, xã Đại Trạch, xã Tây Trạch, xã Hòa Trạch và thị trấn Hoàn Lão	4	99,03	330,10	43.554	272,21			
1.6	Xã Bố Trạch	Nhập xã Hưng Trạch, xã Cự Nẫm, xã Vạn Trạch và xã Phú Định	3	299,42	998,07	33.230	207,69			
1.7	Xã Nam Trạch	Nhập xã Nhân Trạch, xã Lý Nam và thị trấn Nông trường Việt Trung	2	129,83	432,77	32.594	203,71			
VII		Huyện Quảng Ninh		1.194,17		110.406				
I	Các xã:									
1.1	Xã Quảng Ninh	Nhập xã Vĩnh Ninh, xã Võ Ninh, xã Hàm Ninh và thị trấn Quán Hâu	3	100,27	334,22	36.210	226,31			
1.2	Xã Ninh Châu	Nhập xã Tân Ninh, xã Gia Ninh, xã Duy Ninh và xã Hải Ninh	3	86,03	286,75	30.098	188,11			
1.3	Xã Trường Ninh	Nhập xã Vạn Ninh, xã An Ninh, xã Xuân Ninh và xã Hiền Ninh	3	71,92	239,73	35.614	222,59			
1.4	Xã Trường Sơn	Nhập xã Trường Xuân và xã Trường Sơn	1	935,96	935,96	8.484	169,68	X		

Số TT	Tên ĐVHC cấp xã mới	Phương án	Số ĐVHC cấp xã giảm	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số		Khu vực miền núi, vùng cao	Khu vực hải đảo	Yếu tố đặc thù (nếu có)
				Diện tích (km ²)	Tỷ lệ (%)	Quy mô dân số (người)	Tỷ lệ (%)			
	I		2	3	4	5	6	7	8	9
VIII		Lệ Thủy		1.401,80		176.356				
1	Các xã:									
1.1	Xã Lệ Thủy	Nhập xã Liên Thủy, xã Xuân Thủy, xã An Thủy, xã Phong Thủy, xã Lộc Thủy và thị trấn Kiến Giang	5	55,93	186,45	49.460	309,13			
1.2	Xã Cam Hồng	Nhập xã Cam Thủy, xã Thanh Thủy, xã Hồng Thủy và xã Ngự Thủy Bắc	3	87,89	292,97	26.663	166,64			
1.3	Xã Sen Ngự	Nhập xã Hưng Thủy, xã Sen Thủy và xã Ngự Thủy	2	120,84	402,80	21.158	132,24			
1.4	Xã Tân Mỹ	Nhập xã Tân Thủy, xã Dương Thủy, xã Mỹ Thủy và xã Thái Thủy	3	102,57	341,91	24.644	154,03			
1.5	Xã Trường Phú	Nhập xã Trường Thủy, xã Mai Thủy và xã Phú Thủy	2	97,18	323,92	21.206	132,54			
1.6	Xã Lệ Ninh	Nhập xã Sơn Thủy, xã Hoa Thủy và thị trấn Nông trường Lệ Ninh	2	56,32	187,75	23.449	146,56			
1.7	Xã Kim Ngân	Nhập xã Kim Thủy, xã Ngân Thủy và xã Lâm Thủy	2	881,06	881,06	9.776	195,52	X		

Ghi chú:
Tỷ lệ % diện tích tự nhiên và quy mô dân số của xã, phường hình thành sau sắp xếp được tính theo quy định tại Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15.

TỈNH QUẢNG BÌNH

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LƯỢNG ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP XÃ CỦA TỈNH QUẢNG BÌNH
(Kèm theo Đề án sắp xếp ĐVHC cấp xã năm 2025)

ĐVHC cấp xã	Số lượng ĐVHC hiện nay	Số lượng ĐVHC đạt tiêu chuẩn không thực hiện sắp xếp	Số lượng ĐVHC không thực hiện sắp xếp do có yếu tố đặc thù	Số lượng ĐVHC thực hiện sắp xếp	Số lượng ĐVHC sau sắp xếp	Số lượng ĐVHC sau sắp xếp không đạt tiêu chuẩn do có yếu tố đặc thù	Số lượng ĐVHC giảm sau sắp xếp
Xã	122	0	1	121	36	3	86
Phường	15	0	0	15	5	-	10
Thị trấn	8	0	0	8	-	-	8
Tổng	145	0	1	144	41	3	104

THÔNG KÊ SỔ LƯỢNG CBCC CẤP XÃ DỒI DƯ VÀ PHƯƠNG ÁN SAU KHI THỰC HIỆN SẮP XẾP DVHC CẤP XÃ

(Kèm theo Đề án sắp xếp DVHC cấp xã)

Số TT	Tên DVHC mới	Tên DVHC trước sắp xếp	Loại	Số lượng theo định mức				Số lượng hiện có				Số lượng thực hiện sắp xếp, tính giảm theo quy định hiện hành (theo Nghị định 178, Nghị định 67, Nghị định 29... và các chính sách của địa phương)				Ghi chú
				Cán bộ	Công chức	Viên chức	NHĐ không chuyên trách	Cán bộ	Công chức	Viên chức	NHĐ không chuyên trách					
												Cán bộ	Công chức	Viên chức	NHĐ không chuyên trách	
A	CẤP XÃ			1.590	1.516	0	1.889	1.515	1.366	0	1.570	359	202	0	3	
	Huyện Lệ Thủy			274	264	0	330	270	241	0	268	70	39	0	0	
1	Xã Lệ Thủy	Xã Liên Thủy	II	10	10		12	10	9		10	1	0	0	0	
		Xã Xuân Thủy	II	10	10		12	10	10		9	4	1	0	0	
		Xã An Thủy	I	11	11		14	11	11		11	2	3	0	0	
		Xã Phong Thủy	II	10	10		12	10	10		11	3	2	0	0	
		Xã Lộc Thủy	II	10	10		12	10	8		9	2	1	0	0	
		Thị trấn Kiến Giang	II	10	10		12	10	8		10	4	1	0	0	
		Xã Cam Thủy	II	10	10		12	10	10		10	5	2	0	0	
		Xã Thanh Thủy	II	10	10		12	9	10		8	1	2	0	0	
2	Xã Cam Hồng	Xã Hồng Thủy	I	11	10		14	11	9		10	3	1	0	0	
		Xã Ngự Thủy Bắc	II	10	10		12	10	8		11	5	2	0	0	
		Xã Hưng Thủy	I	12	10		14	11	8		11	1	2	0	0	
		Xã Ngự Thủy	II	11	10		12	11	10		11	0	1	0	0	
3	Xã Sen Ngự	Xã Sen Thủy	I	11	11		14	11	10		10	2	1	0	0	

Số TT	Tên ĐVHC mới	Tên ĐVHC trước sắp xếp	Loại	Số lượng theo định mức				Số lượng hiện có				Số lượng thực hiện sắp xếp, tính gián theo quy định hiện hành (theo Nghị định 178, Nghị định 67, Nghị định 29... và các chính sách của địa phương)				Ghi chú
				Cán bộ	Công chức	Viên chức	NHĐ không chuyên trách	Cán bộ	Công chức	Viên chức	NHĐ không chuyên trách	Cán bộ	Công chức	Viên chức	NHĐ không chuyên trách	
4	Xã Tân Mỹ	Xã Tân Thủy	II	10	10		12	10	9		10	1	2	0	0	
		Xã Dương Thủy	II	10	10		12	10	8		10	3	2	0	0	
		Xã Mỹ Thủy	II	10	10		12	10	9		9	4	3	0	0	
5	Xã Trường Phú	Xã Thái Thủy	II	10	10		12	10	10		10	3	2	0	0	
		Xã Trường Thủy	II	12	9		12	12	9		11	1	1	0	0	
		Xã Mai Thủy	II	10	10		12	10	9		10	3	2	0	0	
6	Xã Lệ Ninh	Xã Phú Thủy	I	11	11		14	11	9		12	5	0	0	0	
		Xã Sơn Thủy	I	11	11		14	10	11		13	4	3	0	0	
		Xã Hoa Thủy	I	11	10		14	10	8		10	2	0	0	0	
7	Xã Kim Ngân	Thị trấn NT Lệ Ninh	II	10	10		12	10	8		7	4	1	0	0	
		Xã Kim Thủy	I	12	10		14	12	10		12	5	1	0	0	
		Xã Ngân Thủy	II	10	10		12	10	9		11	0	2	0	0	
	Huyện Quảng Ninh	Xã Lâm Thủy	I	11	11		14	11	11		12	2	1	0	0	
				155	161	0	199	151	138	0	143	33	9	0	0	
8	Xã Quảng Ninh	Xã Vĩnh Ninh	I	11	12		14	11	11		10	0	0	0	0	
		Xã Võ Ninh	I	11	12		14	11	10		12	6	2	0	0	
		Xã Hàm Ninh	II	11	10		13	11	8		8	3	1	0	0	
9	Xã Ninh Châu	TT Quán Hàu	II	12	16		19	12	13		13	2	0	0	0	
		Xã Tân Ninh	II	11	10		13	11	10		12	5	0	0	0	
		Xã Gia Ninh	I	11	12		14	11	9		10	1	0	0	0	
		Xã Duy Ninh	II	11	10		13	10	10		7	4	1	0	0	
		Xã Hải Ninh	II	11	10		13	11	10		9	0	0	0	0	

Số TT		Tên ĐVHC trước sắp xếp	Loại	Số lượng theo định mức				Số lượng hiện có				Số lượng thực hiện sắp xếp, tình giảm theo quy định hiện hành (theo Nghị định 178, Nghị định 67, Nghị định 29... và các chính sách của địa phương)				Ghi chú	
				Cán bộ	Công chức	Viên chức	NHD không chuyên trách	Cán bộ	Công chức	Viên chức	NHD không chuyên trách	Cán bộ	Công chức	Viên chức	NHD không chuyên trách		
10	3	Xã Trường Ninh															
			I	11	11		14	11	10		10	0	1	0	0		
			II	11	10		13	11	9		9	3	2	0	0		
			I	11	11		14	10	10		12	2	0	0	0		
11	4	Xã Trường Sơn	II	11	11		13	10	9		9	3	0	0	0		
			I	11	15		18	10	10		10	0	1	0	0		
		Thành phố Đồng Hới		164	157	0	192	159	147	0	168	38	22	0	0		
			I	11	12		14	10	11		13	2	1	0	0		
		Xã Đức Ninh	II	11	10		12	10	10		12	3	1	0	0		
		Phường Nam Lý	I	11	12		14	10	11		13	2	0	0	0		
12	1	Phường Đồng Hải	II	10	10		12	10	10		9	3	0	0	0		
			I	11	11		14	11	11		13	2	3	0	0		
			II	11	10		12	11	9		9	3	1	0	0		
			Phường Đức Ninh Đông	II	11		12	11	9		9	3	1	0	0		
			Phường Phú Hải	II	11		12	11	8		10	1	1	0	0		
			Phường Hải Thành	II	11	10		12	11	9		10	2	2	0	0	
13	2	Phường Đồng Thuận															
			I	11	12		14	11	11		12	3	2	0	0		
			II	11	9		12	10	9		9	1	1	0	0		
			Phường Bắc Lý	I	11		14	11	11		13	3	0	0	0		
14	3	Phường Đồng Sơn															
			II	11	9		12	11	9		11	3	2	0	0		
			II	11	10		12	11	9		11	5	1	0	0		
			I	11	12		14	11	11		11	1	3	0	0		

Số TT	Tên ĐVHC mới	Tên ĐVHC trước sắp xếp	Loại	Số lượng theo định mức				Số lượng hiện có				Số lượng thực hiện sắp xếp, tính gián theo quy định hiện hành (theo Nghị định 178, Nghị định 67, Nghị định 29... và các chính sách của địa phương)				Ghi chú
				Cán bộ	Công chức	Viên chức	NHĐ không chuyên trách	Cán bộ	Công chức	Viên chức	NHĐ không chuyên trách	Cán bộ	Công chức	Viên chức	NHĐ không chuyên trách	
		Huyện Bố Trạch		285	292	0	353	268	233	0	270	72	43	0	0	
15	1	Xã Thượng Trạch	II	11	9		13	10	5		9	0	3	0	0	
		Xã Thượng Trạch	I	11	11		14	11	7		12	4	0	0	0	
		Xã Lâm Trạch	II	11	10		13	11	8		11	1	1	0	0	
16	2	Xã Phong Nha	I	12	11		14	12	8		10	5	0	0	0	
		Xã Phúc Trạch	I	11	12		14	11	9		8	3	1	0	0	
		TT Phong Nha	II	11	12		14	11	9		12	1	0	0	0	
		Xã Bắc Trạch	II	11	10		13	11	7		8	5	3	0	0	
17	3	Xã Bắc Trạch	I	11	12		14	10	8		10	2	1	0	0	
		Xã Hạ Mỹ	III	11	20		19	8	20		18	2	5	0	0	
		Xã Liên Trạch	II	11	10		13	10	8		11	5	3	0	0	
		Xã Hải Phú	I	11	13		14	11	13		12	1	3	0	0	
18	4	Xã Đông Trạch	III	10	10		11	9	7		9	1	0	0	0	
		Xã Đức Trạch	II	11	10		13	10	10		10	2	3	0	0	
		Xã Đồng Trạch	III	10	10		11	10	7		9	5	1	0	0	
		Xã Trung Trạch	III	10	10		11	10	8		9	1	1	0	0	
		Xã Đại Trạch	II	11	10		13	11	8		6	1	0	0	0	
19	5	Xã Hoàn Lão	II	11	10		13	10	9		9	2	2	0	0	
		Xã Hòa Trạch	III	10	10		11	10	7		9	1	1	0	0	
		Thị trấn Hoàn Lão	I	12	12		14	12	10		11	6	5	0	0	

Số TT		Tên ĐVHC trước sắp xếp	Loại	Số lượng theo định mức				Số lượng hiện có				Số lượng thực hiện sắp xếp, tính gián theo quy định hiện hành (theo Nghị định 178, Nghị định 67, Nghị định 29... và các chính sách của địa phương)				Ghi chú		
				Cán bộ	Công chức	Viên chức	NHD không chuyên trách	Cán bộ	Công chức	Viên chức	NHD không chuyên trách							
												Cán bộ	Công chức	Viên chức	NHD không chuyên trách			
20	6	Xã Bó Trạch		Xã Hưng Trạch	I	11	12		14	10	9		9	2	1	0	0	
				Xã Cự Năm	II	11	10		13	10	9		9	3	2	0	0	
				Xã Vạn Trạch	II	11	10		13	10	8		9	3	4	0	0	
				Xã Phú Định	II	11	10		13	10	7		10	5	0	0	0	
21	7	Xã Nam Trạch		Xã Nhân Trạch	II	11	10		13	9	8		9	5	0	0	0	
				Xã Lý Nam	III	12	16		21	10	15		21	1	2	0	0	
				TT NT Việt Trung	I	11	12		14	11	9		10	5	1	0	0	
Huyện Quảng Trạch					177	169	0	204	166	160	0	190	34	26	0	0		
22	1	Xã Tân Gianh hoặc xã Quảng Hoá		Xã Phú Cảnh	II	18	17		12	13	18		21	3	5	0	0	
				Xã Liên Trường	I	11	12		14	10	13		16	5	4	0	0	
				Xã Quảng Thanh	III	10	8		10	10	8		9	0	2	0	0	
				Xã Quảng Lưu	I	11	11		14	10	9		12	2	1	0	0	
23	2	Xã Trung Thuần		Xã Quảng Thạch	II	10	10		12	9	9		10	1	2	0	0	
				Xã Quảng Tiến	III	10	8		10	10	8		9	4	0	0	0	
				Xã Quảng Phương	I	11	11		14	11	11		13	2	2	0	0	
				Xã Quảng Xuân	II	10	10		12	10	9		12	2	2	0	0	
24	3	Xã Quảng Trạch		Xã Quảng Hưng	I	11	11		14	11	10		9	3	3	0	0	
				Xã Quảng Châu	I	11	11		14	10	10		11	3	2	0	0	
				Xã Quảng Tùng	II	10	10		12	10	10		9	2	1	0	0	
25	4	Xã Hoà Trạch		Xã Cảnh Dương	II	10	10		12	10	9		11	0	0	0		

Số TT	Tên ĐVHC mới	Tên ĐVHC trước sắp xếp	Loại	Số lượng theo định mức				Số lượng hiện có				Số lượng thực hiện sắp xếp, tính gián theo quy định hiện hành (theo Nghị định 178, Nghị định 67, Nghị định 29... và các chính sách của địa phương)				Ghi chú
				Cán bộ	Công chức	Viên chức	NHĐ không chuyên trách	Cán bộ	Công chức	Viên chức	NHĐ không chuyên trách	Cán bộ	Công chức	Viên chức	NHĐ không chuyên trách	
26	Xã Phú Trạch	Xã Quảng Đông	II	11	9		12	9	8		11	1	0	0	0	
		Xã Quảng Phú	I	11	11		14	11	11		14	0	1	0	0	
		Xã Quảng Kim	II	11	9		12	11	9		10	1	0	0	0	
		Xã Quảng Hợp	I	11	11		16	11	8		13	5	1	0	0	I VP ĐU
	Thị xã Ba Đồn			175	149	0	190	162	135	0	173	44	28	0	0	
1	Các xã											0	0	0	0	
27	Xã Nam Gianh	Xã Quảng Hòa	II	11	9		12	9	9		12	1	3	0	0	
		Xã Quảng Lộc	II	11	9		12	10	10		11	1	3	0	0	
		Xã Quảng Văn	II	11	9		12	10	8		10	2	3	0	0	
		Xã Quảng Minh	II	11	9		12	11	9		12	4	0	0	0	
28	Xã Tây Gianh	Xã Quảng Tân	III	10	8		10	9	8		9	6	4	0	0	
		Xã Quảng Trung	II	11	9		12	11	8		12	3	2	0	0	
		Xã Quảng Tiên	II	11	9		12	10	7		12	2	1	0	0	
		Xã Quảng Sơn	I	12	10		14	10	9		12	4	2	0	0	
29	Phường Ba Đồn	Xã Quảng Thủy	III	10	8		10	10	8		10	4	4	0	0	
												0	0	0	0	
		Xã Quảng Hải	III	10	8		10	10	6		10	3	0	0	0	
		Phường Quảng Phong	II	11	10		12	10	9		10	2	2	0	0	
		Phường Quảng Long	II	11	10		12	11	9		11	2	1	0	0	
		Phường Ba Đồn	II	11	10		12	10	8		10	2	0	0	0	

Số TT	 Tên ĐVHC mới	Tên ĐVHC trước sắp xếp	Loại	Số lượng theo định mức				Số lượng hiện có				Số lượng thực hiện sắp xếp, tính gián theo quy định hiện hành (theo Nghị định 178, Nghị định 67, Nghị định 29... và các chính sách của địa phương)				Ghi chú	
				Cán bộ	Công chức	Viên chức	NHD không chuyên trách	Cán bộ	Công chức	Viên chức	NHD không chuyên trách						
30	2.2 Phường Bắc Gianh	Phường Quảng Phúc	II	11	10		12	11	8		10	3	1	0	0		
		Phường Quảng Thuận	II	11	10		12	9	10		12	1	1	0	0		
		Phường Quảng Thọ	I	12	11		14	11	9		10	4	1	0	0		
Huyện Tuyên Hoá				211	171	0	230	197	161	0	195	44	22	0	0		
31	1	Xã Tuyên Lâm	II	11	8		12	11	8		10	4	0	0	0		
32	2	Xã Tuyên Sơn	Xã Thanh Thách	II	11	8		12	10	10		14	2	0	0	0	
			Xã Hương Hòa	II	10	9		12	10	8		10	2	4	0	0	
			Xã Kim Hoá	I	12	11		14	11	10		12	3	0	0	0	
33	3	Xã Đồng Lê	Xã Lê Hoá	III	10	8		10	10	8		8	0	0	0	0	
			Xã Thuận Hoá	II	10	9		12	10	9		10	2	1	0	0	
			Xã Sơn Hoá	II	11	9		12	10	9		9	0	1	0	0	
34	4	Xã Tuyên Phú	Thị trấn Đồng Lê	II	11	10		12	10	9		12	2	1	0	0	
			Xã Đồng Hoá	II	11	9		12	10	8		10	1	0	0	0	
			Xã Thách Hoá	I	12	10		14	12	10		11	4	1	0	0	
35	5	Xã Tuyên Bình	Xã Đức Hóa	II	12	8		12	11	7		11	2	1	0	0	
			Xã Phong Hoá	II	11	10		12	10	8		10	1	1	0	0	
			Xã Ngự Hoá	II	11	8		12	10	8		11	2	4	0	0	
36	6	Xã Tuyên Hoá	Xã Mai Hóa	II	12	9		12	11	9		7	2	2	0	0	
			Xã Tiến Hoá	II	12	9		12	12	9		11	3	1	0	0	
			Xã Châu Hóa	II	11	10		12	9	8		10	3	3	0	0	
			Xã Cao Quảng	II	11	9		12	10	8		10	2	0	0	0	
			Xã Văn Hoá	III	10	7		10	10	7		10	5	0	0	0	

Số TT	Tên ĐVHC mới	Tên ĐVHC trước sắp xếp	Loại	Số lượng theo định mức				Số lượng hiện có				Số lượng thực hiện sắp xếp, tính gián theo quy định hiện hành (theo Nghị định 178, Nghị định 67, Nghị định 29... và các chính sách của địa phương)				Ghi chú
				Cán bộ	Công chức	Viên chức	NHĐ không chuyên trách	Cán bộ	Công chức	Viên chức	NHĐ không chuyên trách	Cán bộ	Công chức	Viên chức	NHĐ không chuyên trách	
	Huyện Minh Hoá			149	153	0	191	142	151	0	163	24	13	0	3	
37	1 Xã Dân Hoá	Xã Dân Hóa	I	12	12		16	12	12		11	1	1	0	0	I VPĐU
		Xã Trọng Hóa	I	11	13		16	11	13		12	1	0	0	0	
38	2 Xã Kim Điền	Xã Hóa Sơn	I	11	13		16	11	13		16	0	1	0	0	
		Xã Hóa Hợp	II	11	10		13	10	10		10	2	0	0	0	
		Xã Thượng Hóa	I	12	12		16	10	12		10	3	2	0	0	
39	3 Xã Kim Phú	Xã Trung Hóa	I	12	12		16	11	12		10	4	1	0	0	
		Xã Tân Hóa	II	11	10		13	11	9		11	0	1	0	0	
		Xã Minh Hóa	II	10	11		13	10	11		10	2	0	0	0	
		Xã Xuân Hóa	II	11	10		13	10	10		12	3	1	0	0	
40	4 Xã Minh Hoá	Xã Yên Hóa	II	10	11		13	9	11		13	0	1	0	0	
		Xã Hồng Hóa	II	11	10		13	10	10		11	3	0	0	0	
		Thị trấn Quy Đạt	I	10	14		15	10	13		8	0	2	0	0	
41	5 Xã Tân Thành	Xã Tân Thành	II	17	15		18	17	15		29	5	3	0	3	
B	CẤP HUYỆN			46	609	0	0	46	568	0	0	11	45	0	0	
	Số lượng cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện bố trí về cấp xã	Huyện Lệ Thủy		7	82			7	79			2	2			
		Huyện Quảng Ninh		5	76			5	71			1	7			
		Thành phố Đồng Hới		5	81			5	71			1	5			
		Huyện Bố Trạch		5	83			5	69			2	6			
		Huyện Quảng Trạch		6	74			6	68			0	5			
		Thị xã Ba Đồn		6	72			6	72			0	5			
		Huyện Tuyên Hoá		6	66			6	66			4	9			
		Huyện Minh Hoá		6	75			6	72			1	6			
C	TỔNG CẤP HUYỆN, CẤP XÃ			1.636	2.125	0	1.889	1.561	1.934	0	1.570	370	247	0	3	

PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG TRỤ SỞ CÔNG TÀI CÁC ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP XÃ SAU SẮP XẾP
(Kèm theo Đề án sắp xếp DVHC cấp xã năm 2025)

STT	Tên cấp xã	Số lượng	Phương án sắp xếp, xử lý			Lộ trình				
			Tiếp tục sử dụng	Không tiếp tục sử dụng	Phương án khác	2025	2026	2027	2028	2029
1	Phường Đồng Hới	8	8			Tiếp tục sử dụng	Sắp xếp, xử lý	Sắp xếp, xử lý	Sắp xếp, xử lý	Sắp xếp, xử lý
2	Phường Đồng Thuận	4	4			Tiếp tục sử dụng	Sắp xếp, xử lý	Sắp xếp, xử lý	Sắp xếp, xử lý	Sắp xếp, xử lý
3	Phường Đồng Sơn	3	3			Tiếp tục sử dụng	Sắp xếp, xử lý	Sắp xếp, xử lý	Sắp xếp, xử lý	Sắp xếp, xử lý
4	Xã Nam Gianh	4	4			Tiếp tục sử dụng	Sắp xếp, xử lý	Sắp xếp, xử lý	Sắp xếp, xử lý	Sắp xếp, xử lý
5	Xã Tây Gianh	5	5			Tiếp tục sử dụng	Sắp xếp, xử lý	Sắp xếp, xử lý	Sắp xếp, xử lý	Sắp xếp, xử lý
6	Phường Ba Đồn	4	4			Tiếp tục sử dụng	Sắp xếp, xử lý	Sắp xếp, xử lý	Sắp xếp, xử lý	Sắp xếp, xử lý
7	Phường Bắc Gianh	3	3			Tiếp tục sử dụng	Sắp xếp, xử lý	Sắp xếp, xử lý	Sắp xếp, xử lý	Sắp xếp, xử lý
8	Xã Dân Hóa	2	2			Tiếp tục sử dụng	Sắp xếp, xử lý	Sắp xếp, xử lý	Sắp xếp, xử lý	Sắp xếp, xử lý
9	Xã Kim Điền	2	2			Tiếp tục sử dụng	Sắp xếp, xử lý	Sắp xếp, xử lý	Sắp xếp, xử lý	Sắp xếp, xử lý
10	Xã Kim Phú	4	4			Tiếp tục sử dụng	Sắp xếp, xử lý	Sắp xếp, xử lý	Sắp xếp, xử lý	Sắp xếp, xử lý
11	Xã Minh Hóa	4	4			Tiếp tục sử dụng	Sắp xếp, xử lý	Sắp xếp, xử lý	Sắp xếp, xử lý	Sắp xếp, xử lý
12	Xã Tân Thành	1	1			Tiếp tục sử dụng	Sắp xếp, xử lý	Sắp xếp, xử lý	Sắp xếp, xử lý	Sắp xếp, xử lý

STT	Tên cấp xã	Số lượng	Phương án sắp xếp, xử lý			Lộ trình				
			Tiếp tục sử dụng	Không tiếp tục sử dụng	Phương án khác	2025	2026	2027	2028	2029
13	Xã Tuyên Lâm	2	2			Tiếp tục sử dụng	Sắp xếp, xử lý	Sắp xếp, xử lý	Sắp xếp, xử lý	Sắp xếp, xử lý
14	Xã Tuyên Sơn	2	2			Tiếp tục sử dụng	Sắp xếp, xử lý	Sắp xếp, xử lý	Sắp xếp, xử lý	Sắp xếp, xử lý
15	Xã Đồng Lê	5	5			Tiếp tục sử dụng	Sắp xếp, xử lý	Sắp xếp, xử lý	Sắp xếp, xử lý	Sắp xếp, xử lý
16	Xã Tuyên Phú	3	3			Tiếp tục sử dụng	Sắp xếp, xử lý	Sắp xếp, xử lý	Sắp xếp, xử lý	Sắp xếp, xử lý
17	Xã Tuyên Bình	3	3			Tiếp tục sử dụng	Sắp xếp, xử lý	Sắp xếp, xử lý	Sắp xếp, xử lý	Sắp xếp, xử lý
18	Xã Tuyên Hóa	4	4			Tiếp tục sử dụng	Sắp xếp, xử lý	Sắp xếp, xử lý	Sắp xếp, xử lý	Sắp xếp, xử lý
19	Xã Tân Gianh	3	3			Tiếp tục sử dụng	Sắp xếp, xử lý	Sắp xếp, xử lý	Sắp xếp, xử lý	Sắp xếp, xử lý
20	Xã Trung Thuần	3	3			Tiếp tục sử dụng	Sắp xếp, xử lý	Sắp xếp, xử lý	Sắp xếp, xử lý	Sắp xếp, xử lý
21	Xã Quảng Trạch	3	3			Tiếp tục sử dụng	Sắp xếp, xử lý	Sắp xếp, xử lý	Sắp xếp, xử lý	Sắp xếp, xử lý
22	Xã Hòa Trạch	3	3			Tiếp tục sử dụng	Sắp xếp, xử lý	Sắp xếp, xử lý	Sắp xếp, xử lý	Sắp xếp, xử lý
23	Xã Phú Trạch	4	4			Tiếp tục sử dụng	Sắp xếp, xử lý	Sắp xếp, xử lý	Sắp xếp, xử lý	Sắp xếp, xử lý
24	Xã Thượng Trạch	2	2			Tiếp tục sử dụng	Sắp xếp, xử lý	Sắp xếp, xử lý	Sắp xếp, xử lý	Sắp xếp, xử lý
25	Xã Phong Nha	4	4			Tiếp tục sử dụng	Sắp xếp, xử lý	Sắp xếp, xử lý	Sắp xếp, xử lý	Sắp xếp, xử lý
26	Xã Bắc Trạch	4	4			Tiếp tục sử dụng	Sắp xếp, xử lý	Sắp xếp, xử lý	Sắp xếp, xử lý	Sắp xếp, xử lý
27	Xã Đông Trạch	4	4			Tiếp tục sử dụng	Sắp xếp, xử lý	Sắp xếp, xử lý	Sắp xếp, xử lý	Sắp xếp, xử lý

STT	Tên cấp xã	Số lượng	Phương án sắp xếp, xử lý			Lộ trình				
			Tiếp tục sử dụng	Không tiếp tục sử dụng	Phương án khác	2025	2026	2027	2028	2029
28	Xã Hoàn Lão	5	5			Tiếp tục sử dụng	Sắp xếp, xử lý	Sắp xếp, xử lý	Sắp xếp, xử lý	Sắp xếp, xử lý
29	Xã Bố Trạch	4	4			Tiếp tục sử dụng	Sắp xếp, xử lý	Sắp xếp, xử lý	Sắp xếp, xử lý	Sắp xếp, xử lý
30	Xã Nam Trạch	3	3			Tiếp tục sử dụng	Sắp xếp, xử lý	Sắp xếp, xử lý	Sắp xếp, xử lý	Sắp xếp, xử lý
31	Xã Quảng Ninh	4	4			Tiếp tục sử dụng	Sắp xếp, xử lý	Sắp xếp, xử lý	Sắp xếp, xử lý	Sắp xếp, xử lý
32	Xã Ninh Châu	4	4			Tiếp tục sử dụng	Sắp xếp, xử lý	Sắp xếp, xử lý	Sắp xếp, xử lý	Sắp xếp, xử lý
33	Xã Trường Ninh	4	4			Tiếp tục sử dụng	Sắp xếp, xử lý	Sắp xếp, xử lý	Sắp xếp, xử lý	Sắp xếp, xử lý
34	Xã Trường Sơn	2	2			Tiếp tục sử dụng	Sắp xếp, xử lý	Sắp xếp, xử lý	Sắp xếp, xử lý	Sắp xếp, xử lý
35	Xã Lệ Thủy	6	6			Tiếp tục sử dụng	Sắp xếp, xử lý	Sắp xếp, xử lý	Sắp xếp, xử lý	Sắp xếp, xử lý
36	Xã Cam Hồng	4	4			Tiếp tục sử dụng	Sắp xếp, xử lý	Sắp xếp, xử lý	Sắp xếp, xử lý	Sắp xếp, xử lý
37	Xã Sen Ngư	3	3			Tiếp tục sử dụng	Sắp xếp, xử lý	Sắp xếp, xử lý	Sắp xếp, xử lý	Sắp xếp, xử lý
38	Xã Tân Mỹ	4	4			Tiếp tục sử dụng	Sắp xếp, xử lý	Sắp xếp, xử lý	Sắp xếp, xử lý	Sắp xếp, xử lý
39	Xã Trường Phú	3	3			Tiếp tục sử dụng	Sắp xếp, xử lý	Sắp xếp, xử lý	Sắp xếp, xử lý	Sắp xếp, xử lý
40	Xã Lệ Ninh	3	3			Tiếp tục sử dụng	Sắp xếp, xử lý	Sắp xếp, xử lý	Sắp xếp, xử lý	Sắp xếp, xử lý
41	Xã Kim Ngân	3	3			Tiếp tục sử dụng	Sắp xếp, xử lý	Sắp xếp, xử lý	Sắp xếp, xử lý	Sắp xếp, xử lý
TỔNG		145	145							